

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2015

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đỗ Trọng Nhân**

**Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng**

**HẢI PHÒNG – 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TNHH THƯƠNG MẠI VIC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đỗ Trọng Nhân**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng**

**HẢI PHÒNG – 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Đỗ Trọng Nhân

Mã SV: 1412401327

Lớp: QT1805K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại VIC

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
  - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại VIC
  - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại VIC, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2017 tại công ty TNHH thương mại VIC.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH thương mại VIC.

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại VIC.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 13 tháng 8 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 2 tháng 11 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

Đỗ Trọng Nhân

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2018*

Hiệu trưởng

**GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị***

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU.....</b>	<b>8</b>
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>3</b>
1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: .....	3
1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu: .....	5
1.1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu: .....	6
1.1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: .....	7
1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	7
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	7
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu: .....	13
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	14
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh :.....	20
1.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính. ....	23
1.2.6. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác: .....	27
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp: .....	31
1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	34
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC.....</b>	<b>38</b>
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH thương mại VIC .....	38
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH thương mại VIC ...	38
2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại VIC: .....	39
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH thương mại VIC..	40

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH thương mại VIC .....	41
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH thương mại VIC.....	43
2.2.1.Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH thương mại VIC .....	43
2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH thương mại VIC .....	70
2.2.3 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thương mại VIC.....	74
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC .....</b>	<b>81</b>
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH thương mại VIC.....	81
3.1.1. Ưu điểm .....	81
3.1.2.Hạn chế .....	82
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	82
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. ....	83
3.4.1. Kiến nghị 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán .....	83
3.4.2 Kiến nghị 2: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán. ....	86
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại VIC....	89
3.5.1. Về phía Nhà nước .....	89
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	89
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>90</b>

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo .....	10
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp). .....	11
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trả chậm, trả góp. ....	11
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên giao đại lý). ....	12
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp thương mại. ....	19
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	22
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	25
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán chi phí hoạt động tài chính .....	26
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán thu nhập hoạt động khác .....	29
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động khác .....	30
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp .....	33
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung .....	34
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái .....	35
Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ .....	36
Sơ đồ 1.17: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy .....	37
Sơ đồ 2.1: bộ máy quản lý của công ty .....	40
Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức của bộ máy kế toán .....	41
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH thương mại VIC .....	42
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty TNHH thương mại VIC .....	44



## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hoá đơn GTGT số 0000230 .....	45
Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000291 .....	46
Biểu số 2.3 :Giấy báo có.....	47
Biểu số 2.4. Hóa đơn GTGT số 0000350.....	49
Biểu số 2.5: Phiếu thu.....	50
Biểu số 2.6:Trích sổ Nhật ký chung năm 2016 .....	51
Biểu số 2.7: Trích Sổ Cái TK 511 .....	52
Biểu số 2.8: Phiếu Xuất kho .....	55
Biểu số 2.9: Phiếu Xuất kho .....	57
Biểu số 2.10: Phiếu Xuất kho.....	59
Biểu số 2.11:Trích sổ Nhật ký chung năm 2016 .....	60
Biểu số 2.12 :Trích Sổ cái 632 năm 2016.....	61
Biểu số 2.13:HĐ 3005768.....	63
Biểu số 2.14 : Phiếu chi số 045 .....	64
Biểu số 2.15: Hóa đơn GTGT số 0000547.....	66
Biểu số 2.16: Phiếu chi 060.....	67
Biểu số 2.17: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016.....	68
Biểu số 2.18:Trích Sổ cái 642 năm 2016.....	69
Biểu số 2.20: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016.....	72
Biểu số 2.21 :Trích Sổ cái 515 năm 2016.....	73
Biểu số 2.22: Phiếu kế toán .....	75
Biểu số 2.23: Phiếu kế toán .....	75
Biểu số 2.24: Phiếu kế toán .....	76
Biểu số 2.25: Phiếu kế toán .....	76
Biểu số 2.26: Phiếu kế toán .....	77
Biểu số 2.27:Trích sổ Nhật ký chung năm 2016.....	78
Biểu số 2.28:Trích Sổ cái 911 năm 2016.....	79
Biểu số 2.29: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	80
Biểu số 3.1: Hóa đơn GTGT số 0000291 .....	85

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài.

Trong bất kỳ quốc gia nào, ở các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế... kế toán bao giờ cũng có vị trí đặc biệt quan trọng. Công tác kế toán ở các doanh nghiệp Việt Nam là bộ phận không thể thiếu ở tất cả các đơn vị tổ chức. Kế toán là công việc ghi chép, thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động tài chính của một tổ chức, một doanh nghiệp, một cơ quan nhà nước, một cơ sở kinh doanh tư nhân... Đây là một bộ phận đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Kế toán vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật, nó phát huy tác dụng nhờ một công cụ sắc bén, có hiệu lực phục vụ yêu cầu quản lý kinh doanh hiện nay.

Nhận thấy tầm quan trọng của việc xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, được sự chấp thuận của Ban giám đốc Công ty TNHH thương mại VIC cùng sự hướng dẫn của thạc sĩ Nguyễn Thị Thúy Hồng, em xin chọn đề tài nghiên cứu **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại VIC”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại VIC.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại VIC.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Phạm vi nghiên cứu: Tại Công ty TNHH thương mại VIC năm 2016.

### 4. Phương pháp nghiên cứu.

- Các phương pháp kế toán.
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

### 5. Kết cấu của khóa luận.

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận, gồm 03 chương nội dung:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại VIC.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại VIC.

**CHƯƠNG 1****LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:****1.1.1. Khái Niệm:****\*Bán hàng:**

Theo quan niệm cổ điển: "Bán hàng là hoạt động thực hiện sự trao đổi sản phẩm hay dịch vụ của người bán chuyển cho người mua để được nhận lại từ người mua tiền, vật phẩm hoặc giá trị trao đổi đã thỏa thuận"

Theo một số quan điểm hiện đại phổ biến thì khái niệm bán hàng được định nghĩa như sau.

- Bán hàng là nền tảng trong kinh doanh đó là sự gặp gỡ của người bán và người mua ở những nơi khác nhau giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu nếu cuộc gặp gỡ thành công trong cuộc đàm phán về việc trao đổi sản phẩm.
- Bán hàng là quá trình liên hệ với khách hàng tiềm năng tìm hiểu nhu cầu khách hàng, trình bày và chứng minh sản phẩm, đàm phán mua bán, giao hàng và thanh toán.
- Bán hàng là sự phục vụ, giúp đỡ khách hàng nhằm cung cấp cho khách hàng những thứ mà họ muốn.

**\*Sản phẩm tiêu thụ:**

Tiêu thụ sản phẩm là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh, là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tiêu thụ sản phẩm là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hóa, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

**\*Doanh thu:**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực số 14 của Doanh thu và Thu nhập khác ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định như sau:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được, các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

**\*Doanh thu thuần:**

Doanh thu thuần là khoản doanh thu bán hàng sau khi đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính:

Doanh thu thuần (=) doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (-) các khoản giảm trừ doanh thu.

**\*Thời điểm ghi nhận doanh thu:**

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán về số lượng hàng hóa hay dịch vụ người bán.

**\*Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:**

Các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- *Hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Hoạt động sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ( lãi hay lỗ về tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ) là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong báo cáo kết quả kinh doanh chỉ tiêu này được gọi là “Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh”.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán – Chi phí quản lý kinh doanh.

- *Hoạt động khác và kết quả hoạt động khác:*

Hoạt động khác là hoạt động diễn ra không thường xuyên, không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện, hoạt động khác như thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, thu được khoản nợ khó đòi đã xóa sổ...

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác với chi phí khác.

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập thuần từ hoạt động khác – Chi phí từ hoạt động khác.

**1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:**

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 ‘Doanh thu và thu nhập khác’ ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng bộ tài chính.

**\*Doanh thu bán hàng:** Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**\* Doanh thu cung cấp dịch vụ:** Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán;

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**\* Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

(a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

(b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**\* Thu nhập khác:** Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

### ***1.1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu:***

- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và sản phẩm hàng hóa bán ra thuộc diện chịu VAT thì doanh thu là giá không bao gồm VAT.
- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là giá bao gồm cả VAT.
- Với hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu thì doanh thu là giá bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.
- Với doanh nghiệp bán hàng theo hình thức trả chậm, trả góp thì doanh thu là giá tiền một lần từ đầu (nhưng trả làm nhiều kì), không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp. Lãi trả chậm, trả góp hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hàng kỳ.

- Với những doanh nghiệp nhận gia công hàng hóa vật tư, thì doanh thu là số tiền gia công thực tế được hưởng không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận về gia công chế biến nay xuất trở lại.
- Với doanh nghiệp làm đại lý thì doanh thu là số tiền hoa hồng thực tế được hưởng, không bao gồm số tiền thu được từ bán hàng.
- Doanh nghiệp cho thuê tài sản có nhận trước tiền thuê cho nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm tài chính được xác định bằng tổng số tiền nhận trước chia cho số năm trả trước.
- Đối với sản phẩm hàng hóa đã xác định là tiêu thụ trong kỳ nhưng bị khách hàng trả lại hay yêu cầu giảm giá do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng hoặc khi người mua mua với số lượng lớn được hưởng chiết khấu, kế toán sẽ theo dõi chi tiết trên TK 5211, 5212, 5213.[1]
- Các trường hợp không được hạch toán vào TK511:[1]
  - +Nợ khó đòi đã xử lý nay đòi được.
  - +Các khoản nợ không có người đòi.
  - +Các khoản thu nhập khác như phạm vi hợp đồng.

#### ***1.1.4.Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:***

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu: ghi chép, phản ánh, hạch toán chính xác doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng kết quả kinh doanh.
- Nhiệm vụ của kế toán chi phí: ghi chép, phản ánh, hạch toán chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nhằm xác định đúng kết quả kinh doanh.
- Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh: ghi chép, phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả kinh doanh đúng.

### **1.2.Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### ***1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

##### **\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng



- Phiếu thu tiền
- Phiếu báo có...

**\*Tài khoản sử dụng:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa hay cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

- Tài khoản 511 có năm tài khoản cấp 2:[1]

+TK5111 – Doanh thu bán hàng hóa: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa đã được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư lương thực,...

+TK5112 – Doanh thu bán các thành phẩm: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm( Thành phẩm, bán thành phẩm) đã được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các doanh nghiệp sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp,...

+TK5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

+TK5118: Doanh thu khác: Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của nhà nước...

- Bên Nợ:

+Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

+Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

+Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

+Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

+Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

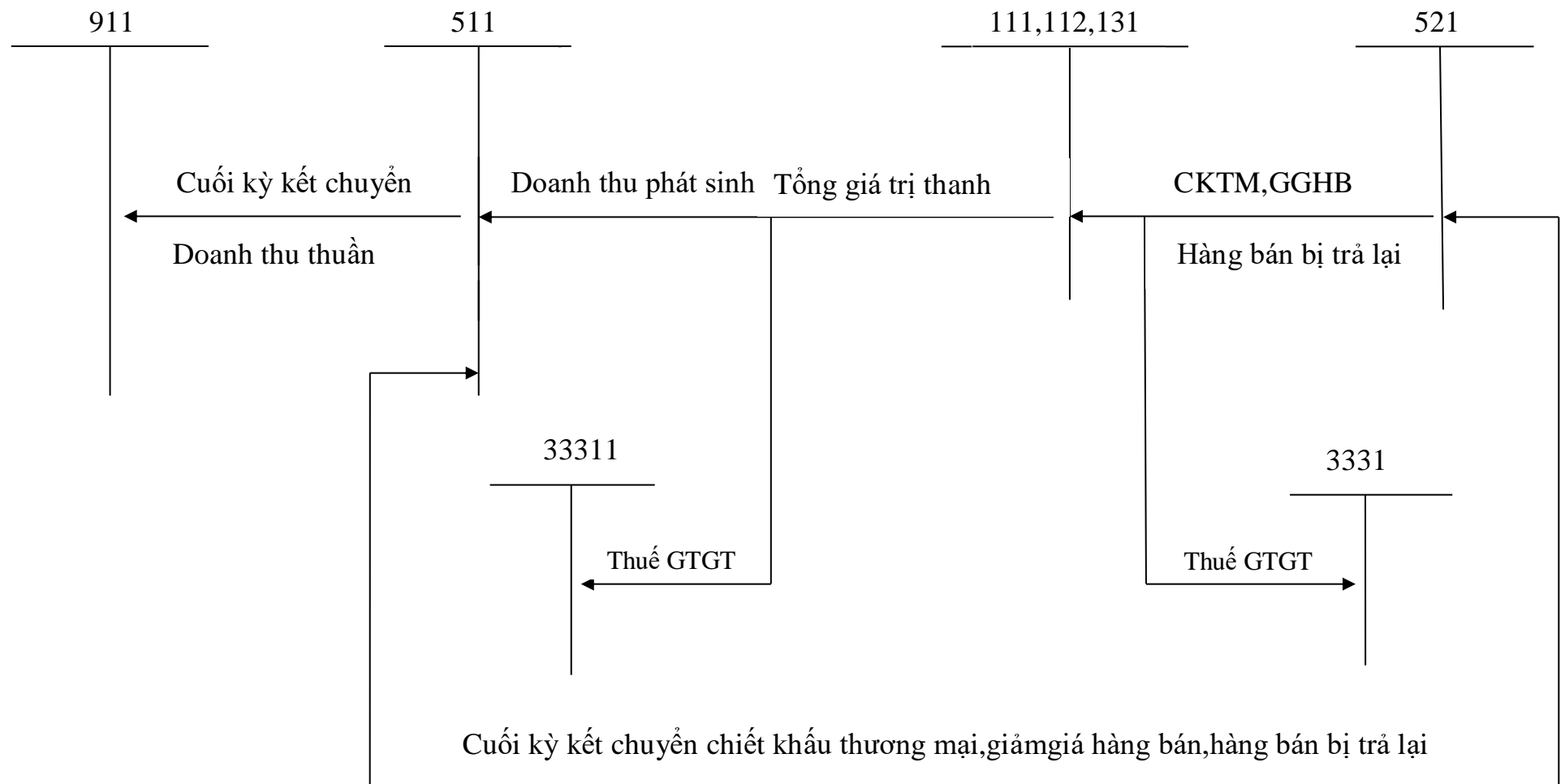
+Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Bên Có:

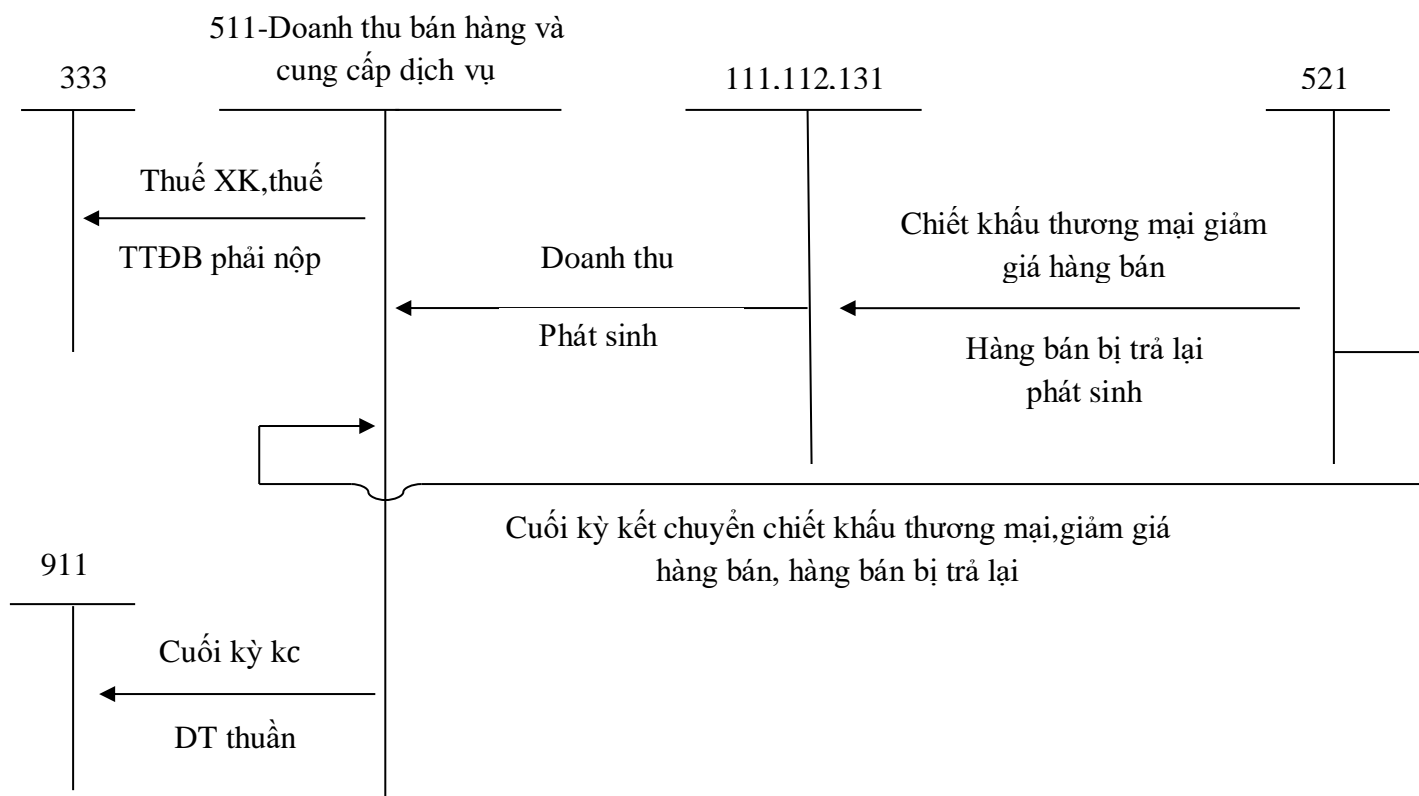
Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK511 không có số dư cuối kỳ.[1]

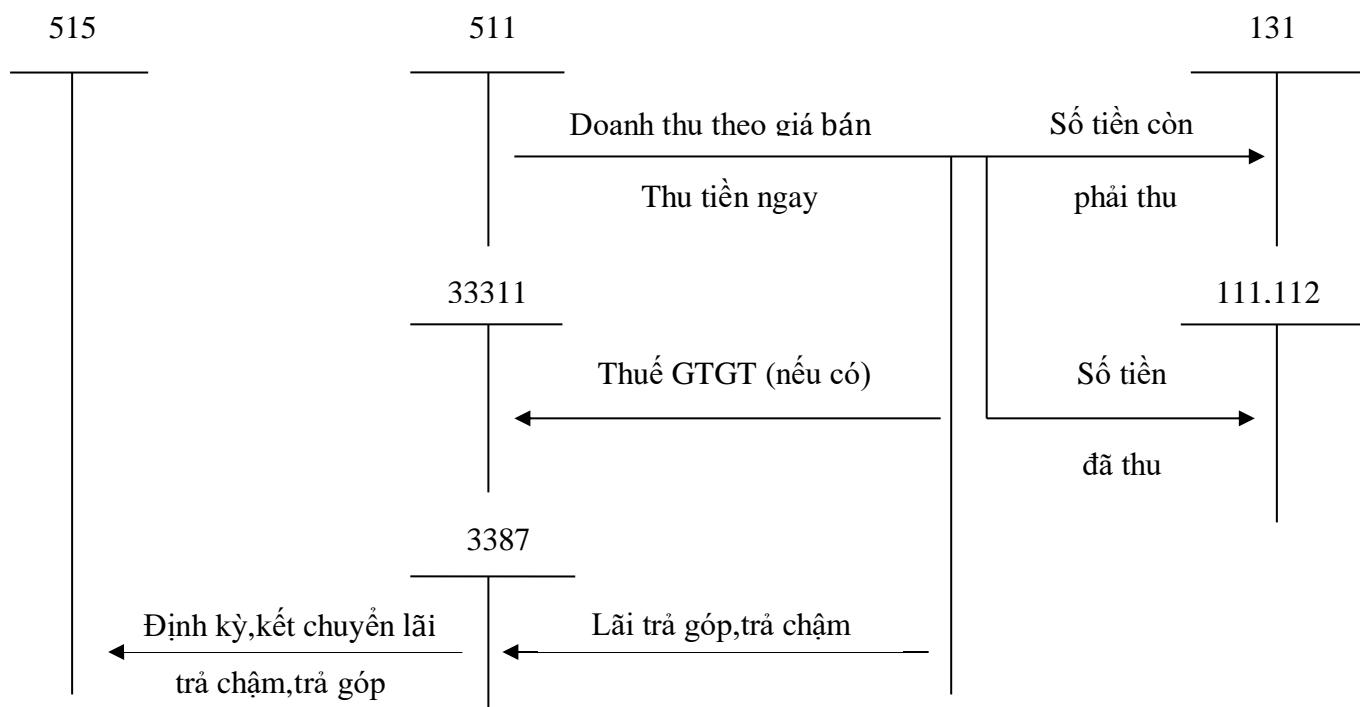
**\*Phương pháp hạch toán:**



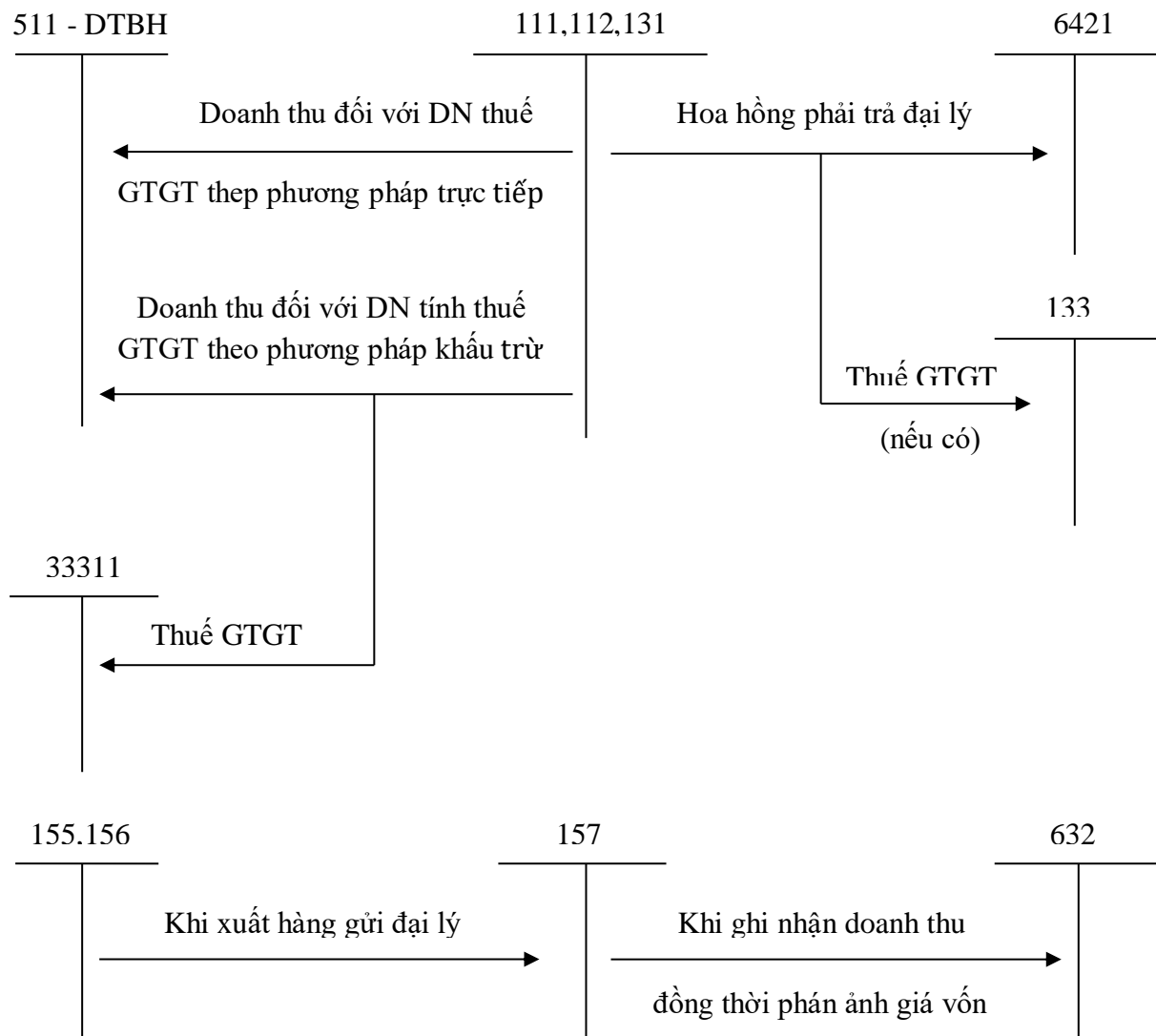
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)[2]



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)[2].



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trả chậm, trả góp[2].



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng qua đại lý (đối với bên giao đại lý)[2].

**1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:****\*Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu chi, giấy báo nợ...
- Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại

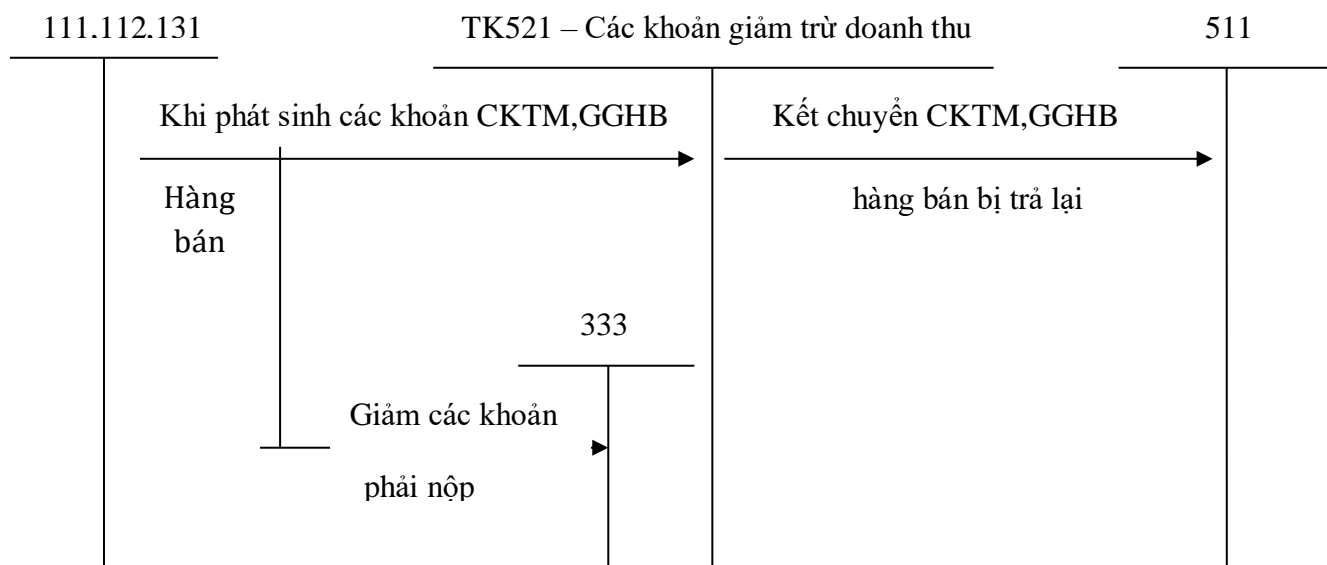
**\*Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 521 dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

- Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:[1]
  - + *Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại:* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.
  - + *Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.
  - + *Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán:* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.
- Bên Nợ:
  - +Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;
  - +Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng;
  - +Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.
- Bên Có: Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 ‘Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ’ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu không có số dư cuối kỳ.[1]

**\*Phương pháp hạch toán:[2]**



**1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán**

**\*Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho**

- Phương pháp giá thực tế đích danh: khi áp dụng phương pháp này thì giá mua hàng hóa phải được theo dõi từng lô, từng loại hàng và theo dõi từ khâu mua đến khâu bán, do đó hàng hóa xuất bán thuộc lô nào thì giá vốn hàng bán chính là giá mua của hàng hóa đó.

- Phương pháp bình quân gia quyền:

+*Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ*: là phương pháp tính được giá vốn của hàng hóa xuất bán cuối ngày cuối kỳ trên cơ sở tính giá bình quân cả kỳ kinh doanh:

$$\text{Giá bình quân gia quyền} = \frac{\text{Giá thực tế của hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+*Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập*: theo phương pháp này, trị giá vốn của hàng hóa xuất tính theo giá bình quân của lần nhập trước đó với nghiệp vụ xuất. Như vậy sau mỗi lần nhập kho phải tính lại giá bình quân của đơn vị hàng hóa trong kho làm cơ sở để tính giá hàng hóa xuất kho cho lần nhập sau đó.

+*Phương pháp nhập trước xuất trước*: là phương pháp được dựa trên giả định là hàng hóa được nhập trước thì sẽ tiêu thụ trước. Do đó hàng tồn cuối kỳ là

những hàng hóa nhập sau. Vì vậy giá vốn hàng hóa xuất kho trong kỳ được tính theo giá của hàng hóa nhập trước.

+*Phương pháp giá bán lẻ*: Phương pháp này được áp dụng trong ngành bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác như các đơn vị kinh doanh siêu thị. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng nó tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

**\*Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

**\*Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 632 dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...[1]

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thương xuyên:

- Bên Nợ:
  - Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh:
    - + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.
    - + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
    - + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
    - + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
  - Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh:

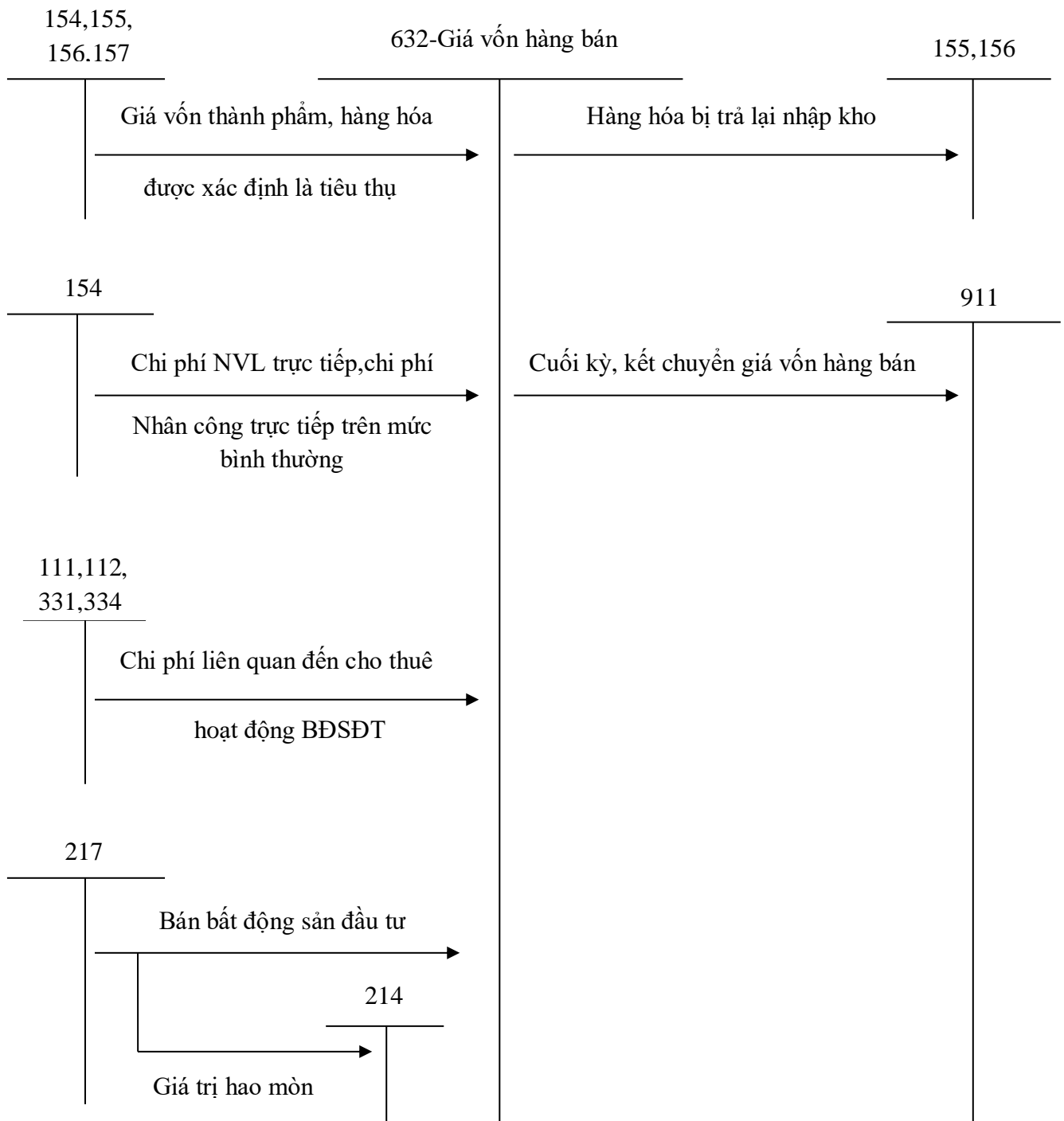


- +Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ;
  - +Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT;
  - +Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ;
  - +Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ;
  - +Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ;
  - +Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá;
  - +Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.
- Bên Có:
- +Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;
  - +Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh của BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
  - +Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
  - +Trị giá hàng bán bị trả lại;
  - +Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).
  - +Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ;
  - +Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại;
  - +Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.
- ❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:
    - Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:
- Bên Nợ:

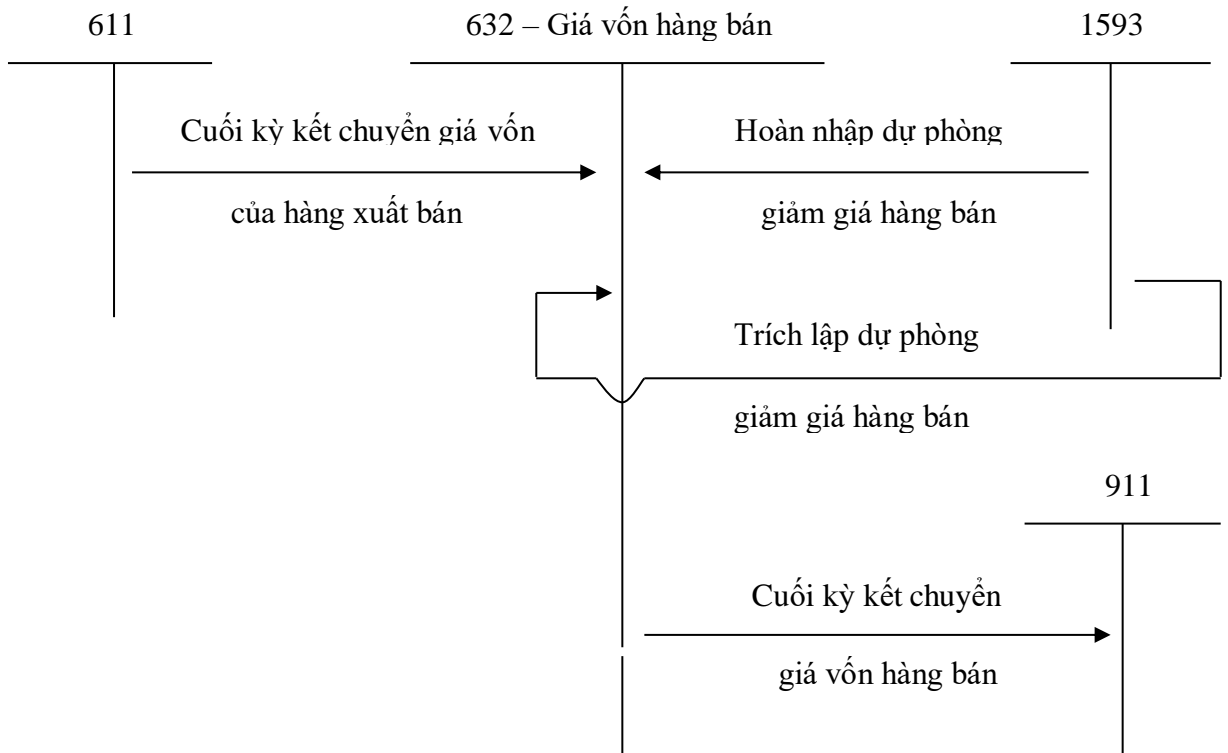
- +Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.
- +Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số lập dự phòng năm nay lớn hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).
- Bên Có:
  - +Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.
  - +Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
  - +Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. [1]
  - o Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:
- Bên Nợ:
  - +Trị giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho đầu kỳ;
  - +Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
  - +Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.
- Bên Có:
  - +Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”; TK154 “Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang”; [1]
  - +Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
  - +Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
  - ❖ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ. [1]



**\*Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên[2]



*Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ đối với doanh nghiệp thương mại[2]*

**1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh :****\*Chứng từ sử dụng :**

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ NVL,CCDC, bảng khấu hao TSCĐ.

**\*Tài khoản sử dụng :**

- Tài khoản 642 dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp[1]

+ Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa ( trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lườn, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng ;chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...),bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng ; dịch vụ mua ngoài(điện, nước, điện thoại, fax,...) chi phí bằng tiền khác.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài ( điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác ( tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:[1]

+ Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ

của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.[1]

+Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK911 – Xác định kết quả kinh doanh.[1]

- Bên Nợ:

+Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ;

+Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

- Bên Có:

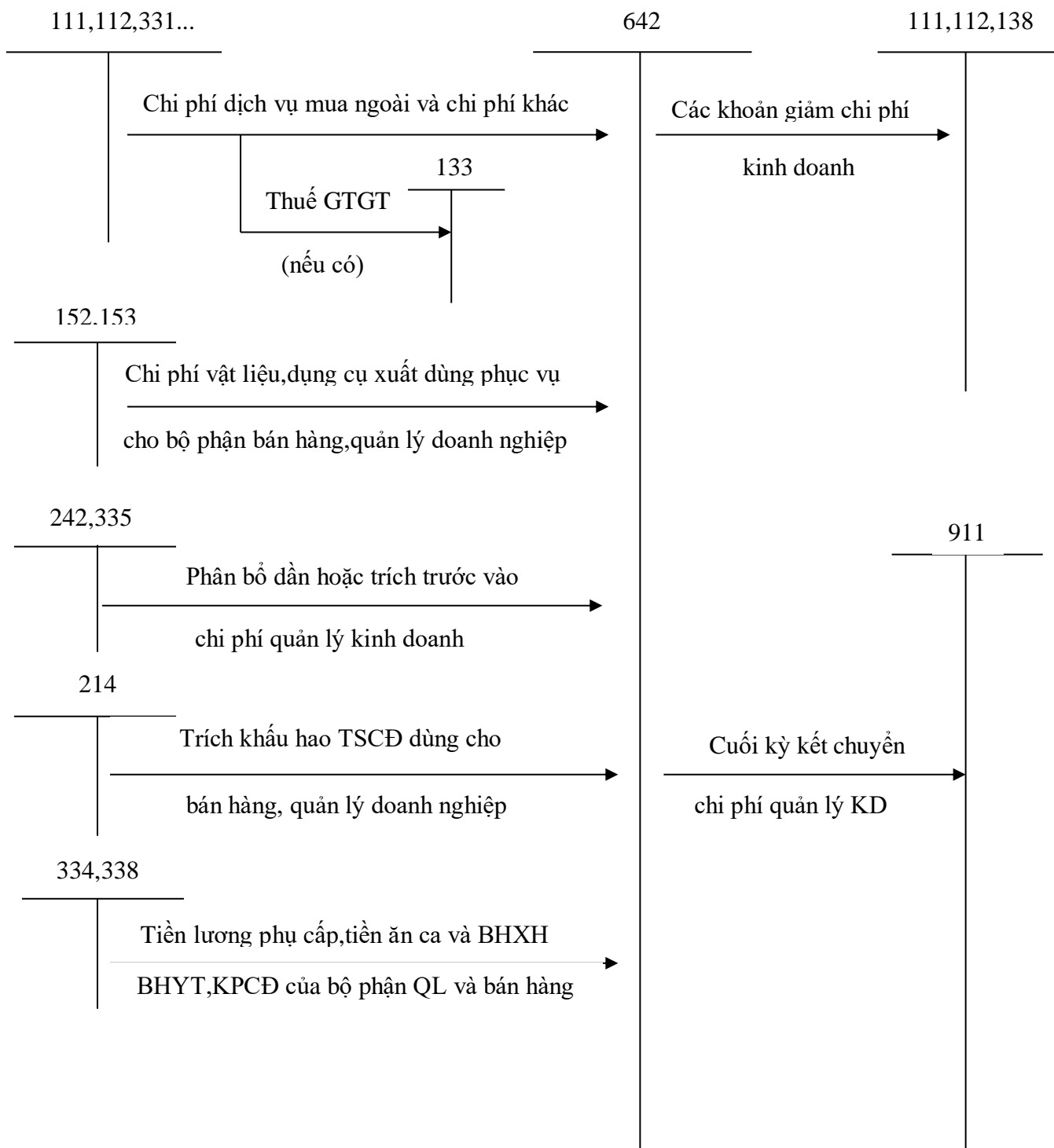
+Các tài khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh;

+Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

+Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 ‘Xác định kết quả kinh doanh’.

- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.[1]

**\*Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh[2]

**1.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.****\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan .

**\*Tài khoản sử dụng:**

- ❖ Tài khoản 515 dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:[1]

+Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng , lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...

+Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;

+Thu nhập về hoạt động đầu tư mua , bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

Lãi chuyên nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;

+Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

+Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;

+Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

- Bên Nợ:

+Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);

+Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 –

“Xác định kết quả kinh doanh”

- Bên Có: Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

- Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.[1]

- ❖ Tài khoản 635 phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

+Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính;

+Chiết khấu thanh toán cho người mua;

+Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;

+Lỗ tỉ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; lỗ tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;



+Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;

+Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;

+Các khoản chi phí tài chính khác.

- Bên Nợ:

+Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ;

+Trích lập dự phòng bổ sung giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).

- Bên Có:

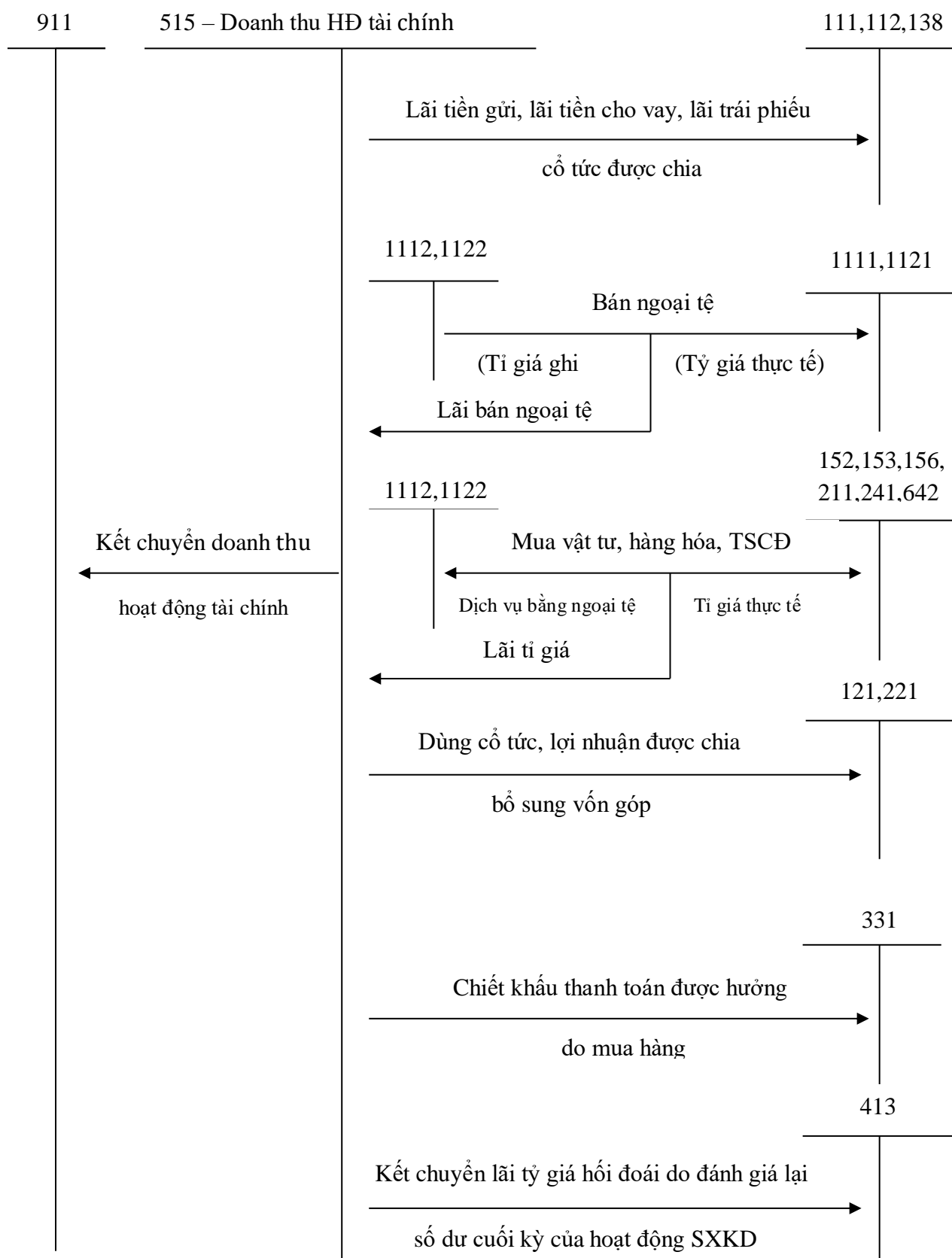
+Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

+Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;

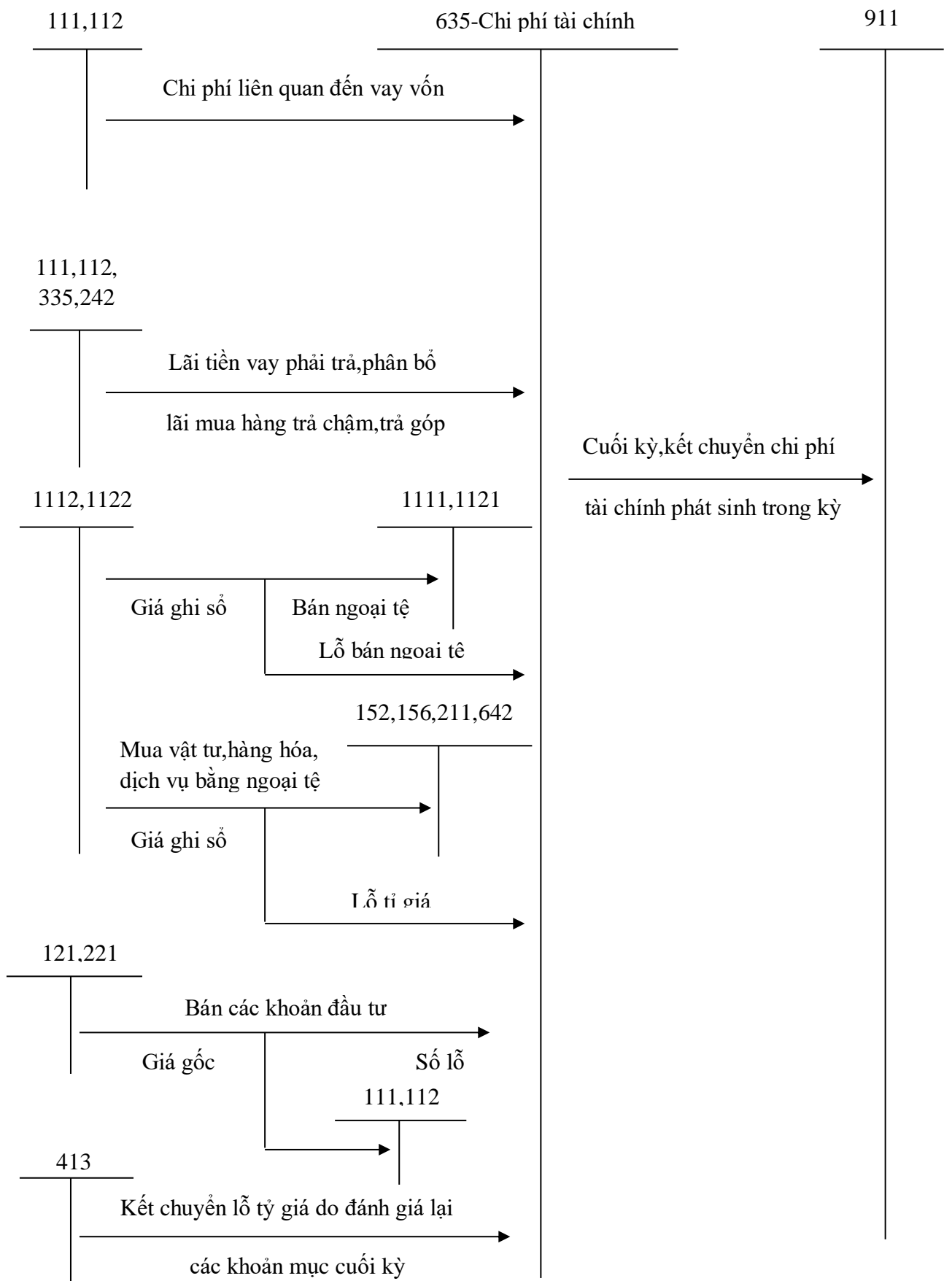
+Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.[1]

**\*Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính[2]



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán chi phí hoạt động tài chính[2]

**1.2.6. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác:****\*Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi...
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản góp vốn kinh doanh

**\*Tài khoản sử dụng:**

- ❖ Tài khoản 711 dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gồm:[1]
  - + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
  - + Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
  - + Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
  - + Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVTM phải nộp nhưng sau đó được giảm);
  - + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
  - + Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
  - + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
  - + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
  - + Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
  - + Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
  - + Giá trị số hàng khuyến mãi không phải trả lại nhà sản xuất;
  - + Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.
- Bên Nợ:
  - + Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp;

+Cuối kỳ kế toán , kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 ‘‘Xác định kết quả kinh doanh’’[1]

- Bên Có:

+Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- Tài khoản 711 – Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ.[1]

❖ Tài khoản 811 phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

+Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ ( gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ;

+Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia ra từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;

+Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;

+Giá trị còn lại TSCĐ bị thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);

+Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư hàng hóa , TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;

+Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;

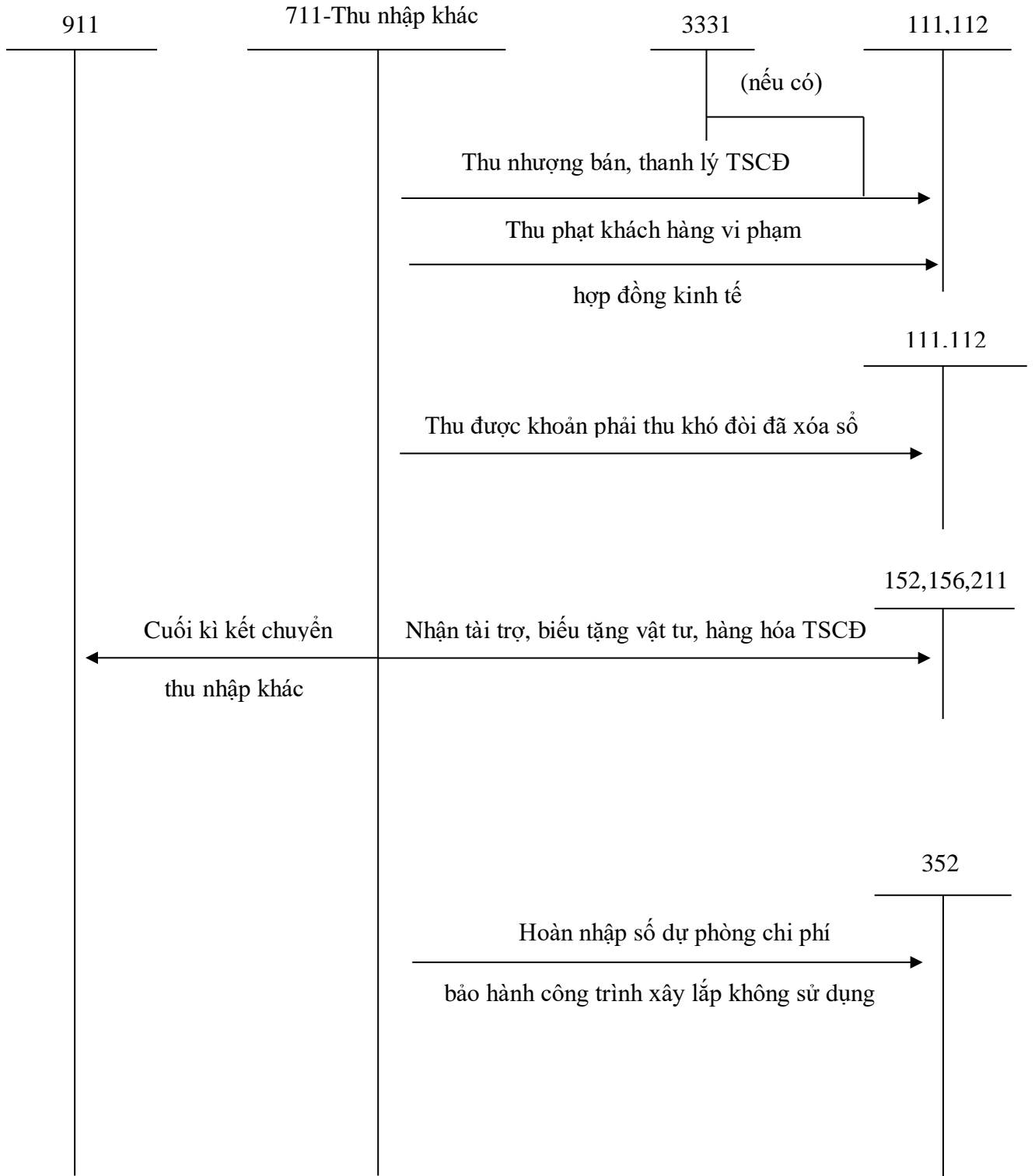
+Các khoản chi phí khác;

- Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.

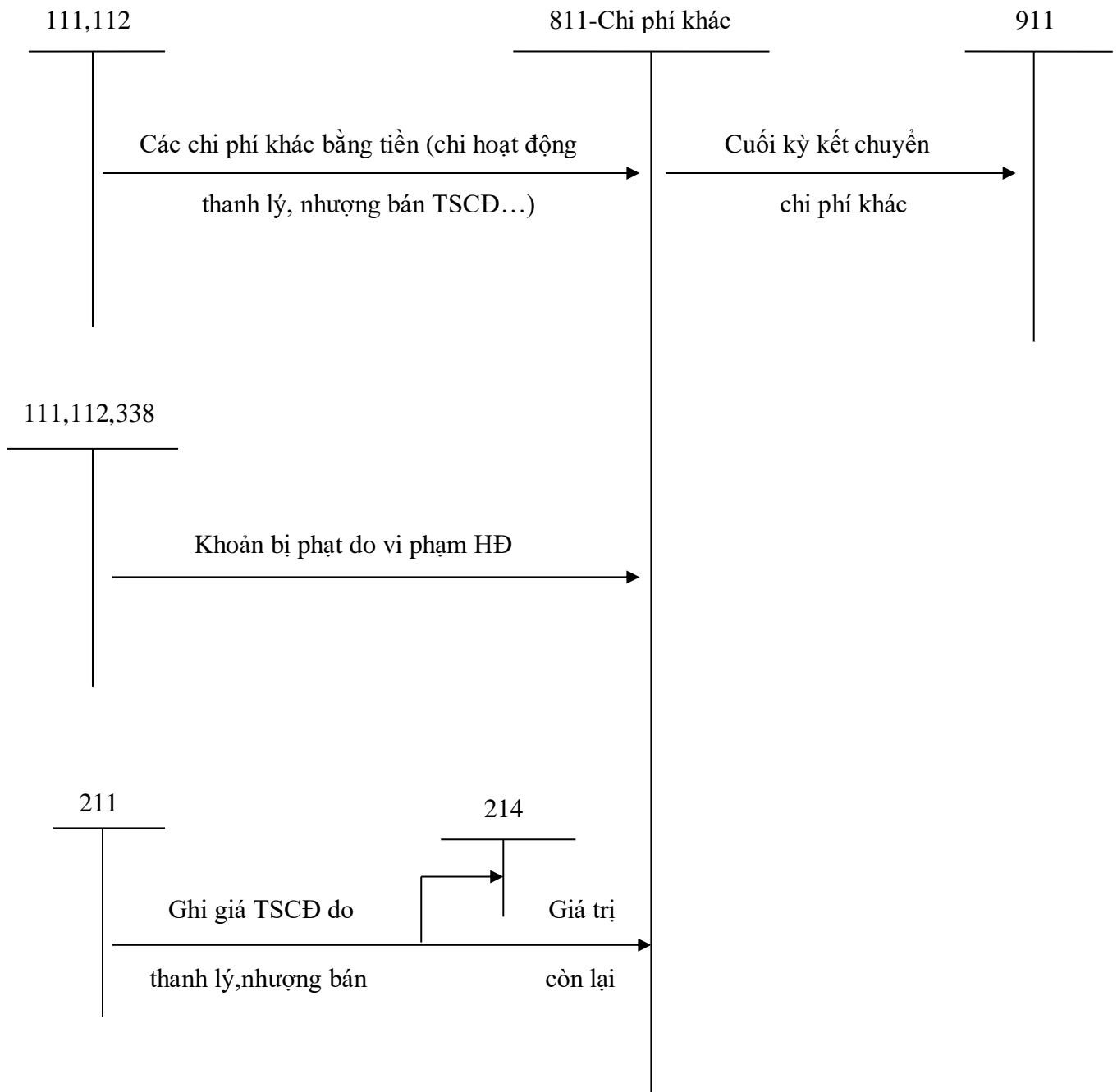
- Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 ‘‘Xác định kết quả kinh doanh’’.

- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.[1]

**\*Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán thu nhập hoạt động khác[2]



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động khác[2]

**1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp:****\*Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

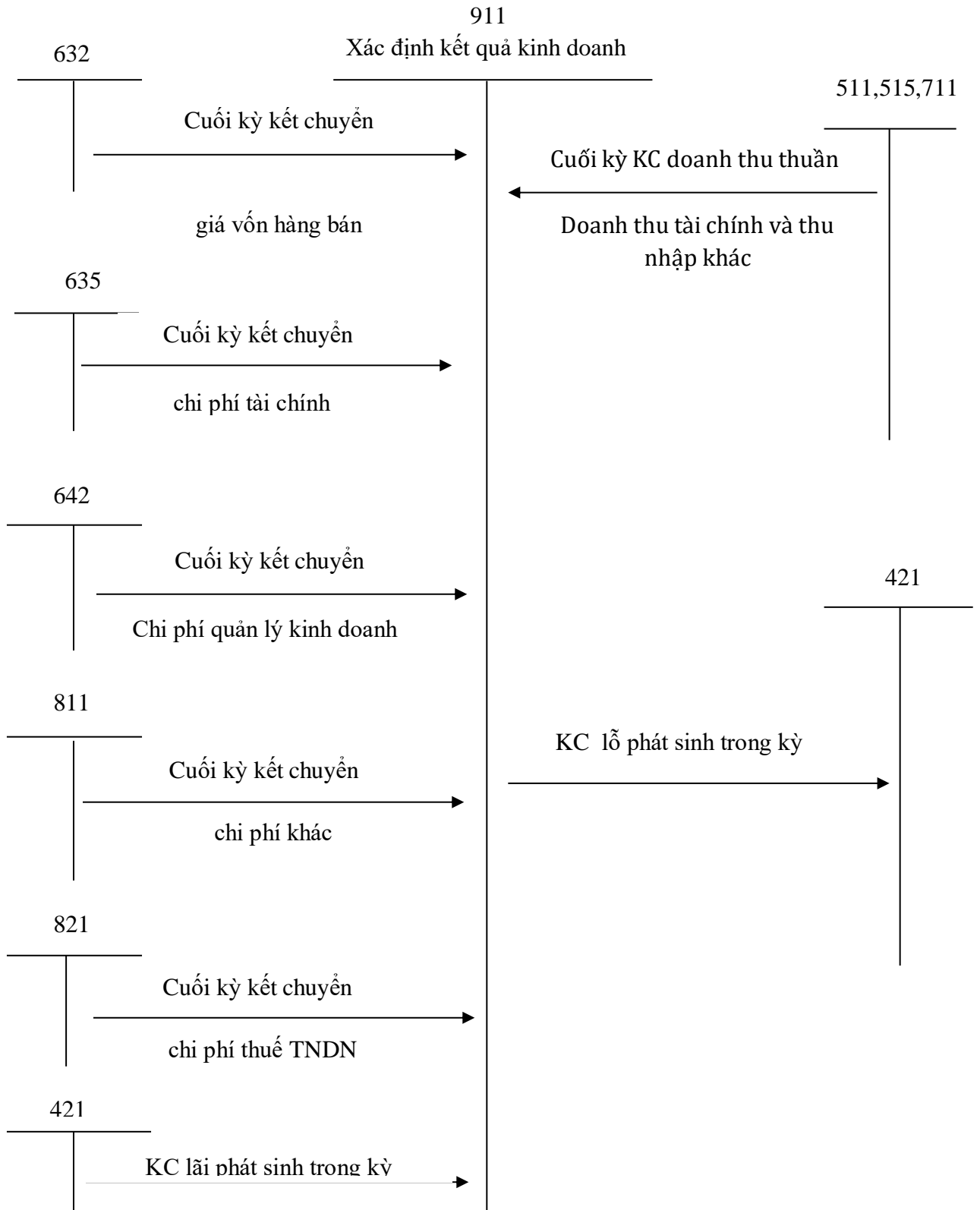
**\*Tài khoản sử dụng:**

- ❖ Tài khoản 911 dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.[1]
- Bên Nợ:
  - +Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
  - +Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
  - +Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
  - +Kết chuyển lãi.
- Bên Có:
  - +Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
  - +Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
  - +Kết chuyển lỗ.
- Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.[1]
  - ❖ Tài khoản 821 dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.
- Bên Nợ:
  - +Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm;
  - +Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại.
- Bên Có:
  - +Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm;



- +Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm hiện tại;
- +Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.[1]
- Tài khoản 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.[1]
  - ❖ Tài khoản 421 dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.
- Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, có 2 tài khoản cấp 2.[1]
- Bên Nợ:
  - +Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
  - +Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
  - +Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu;
  - +Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu.
- Bên Có:
  - +Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
  - +Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
  - +Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
- Tài khoản 421 có thể có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.
  - +Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
  - +Số dư bên Có: Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

**\*Phương pháp hạch toán:**



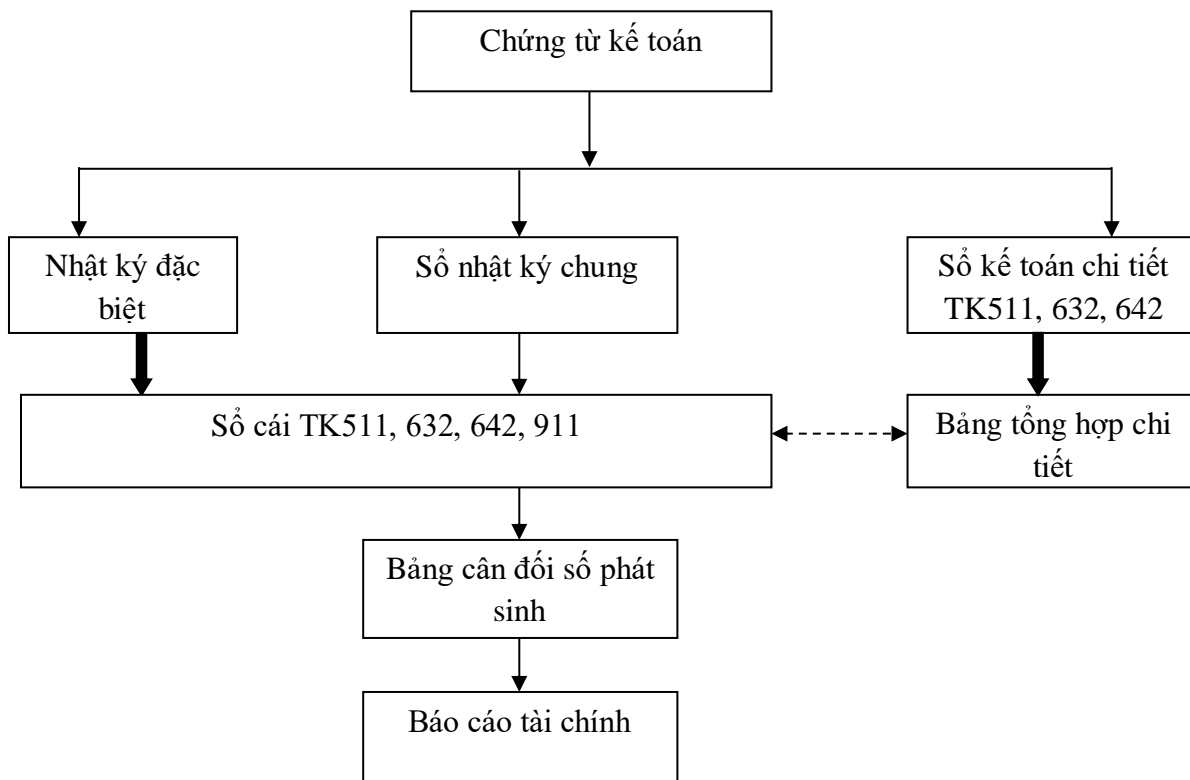
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp[2]

**1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán**

Theo QĐ48/2006, doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 4 hình thức kế toán sau

a) Hình thức kế toán Nhật ký chung.

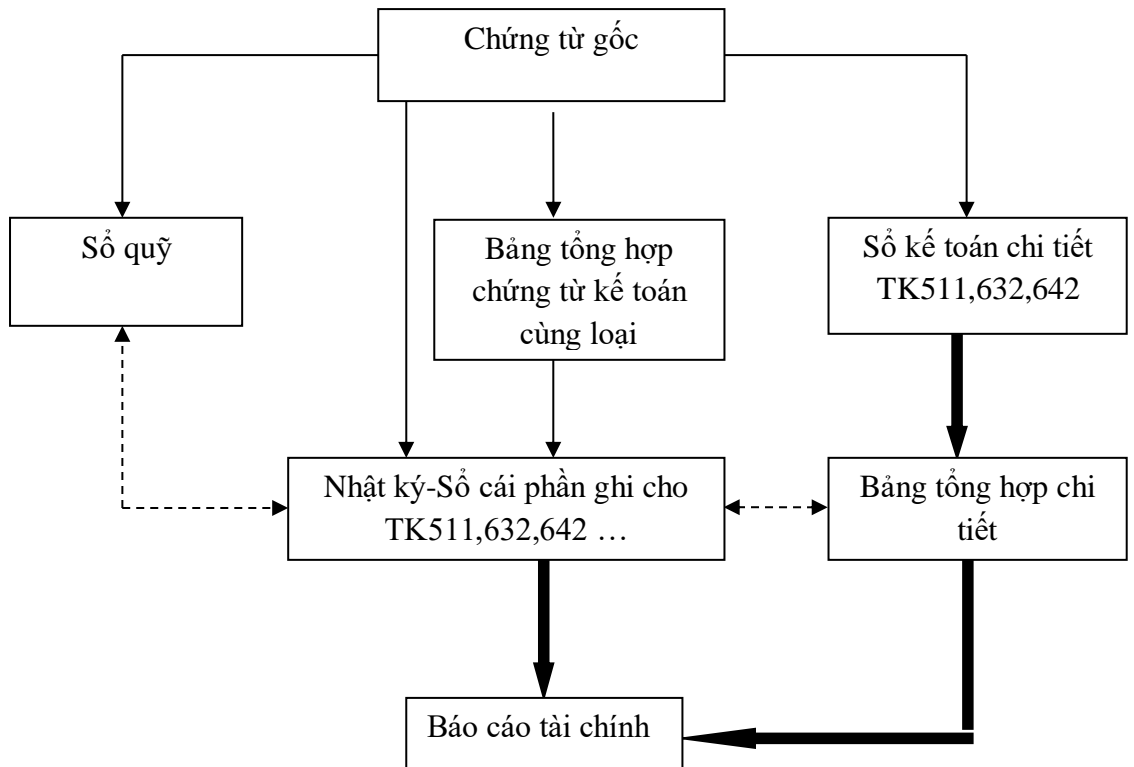
-Sơ đồ trình tự ghi sổ:



Ghi chú:   
 —————> Ghi hàng ngày   
 ==> Ghi cuối tháng, hoặc định   
 <-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung[2]

b) Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

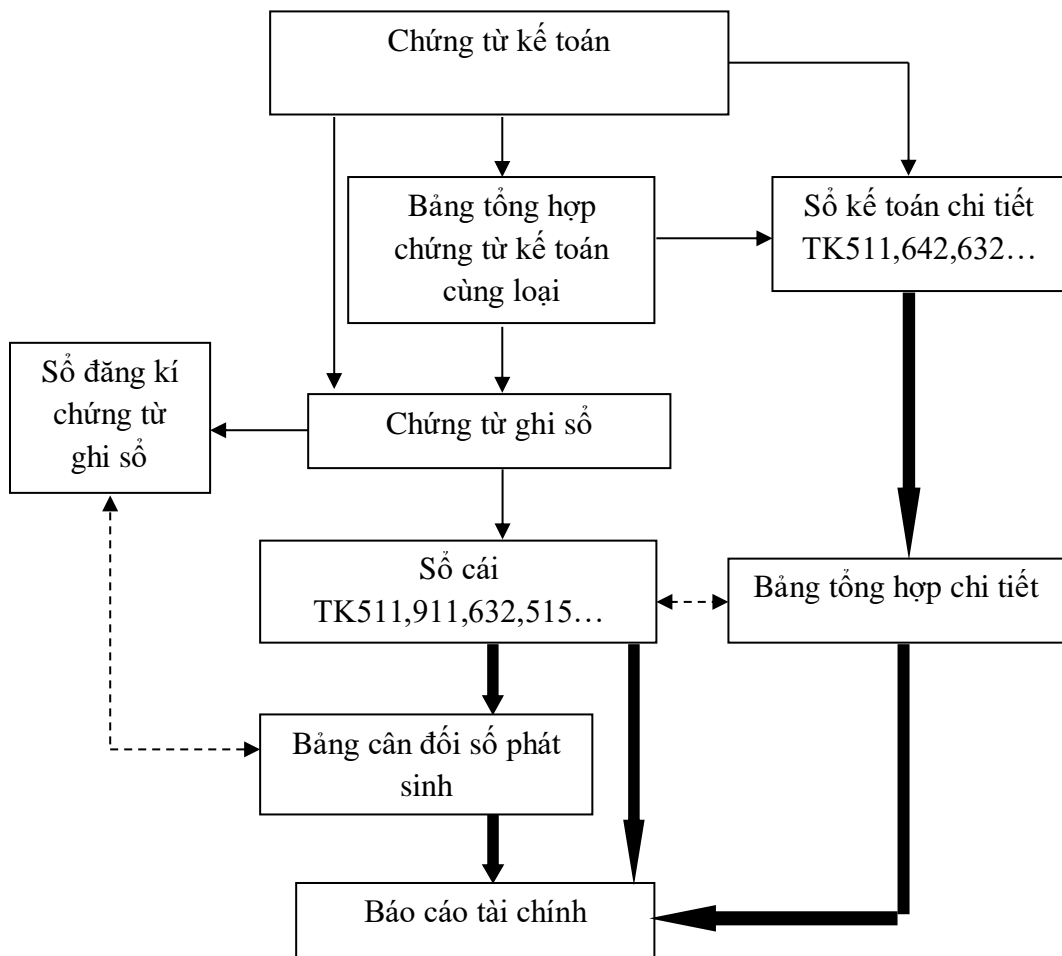


Ghi chú:

- Ghi chú hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái[2]

c) Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

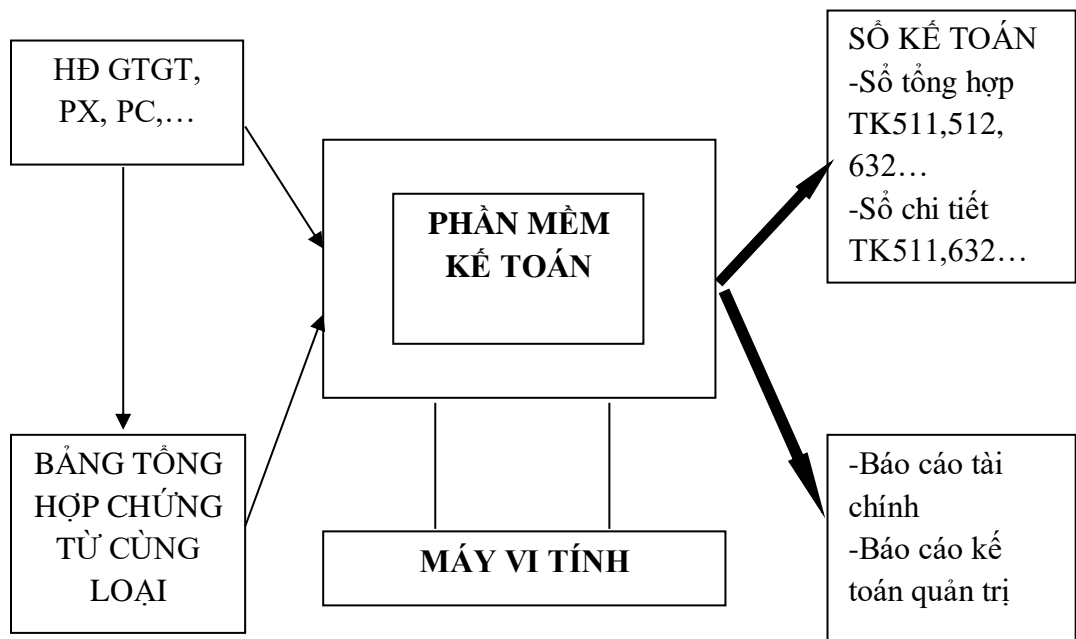


Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ[2]

d) Hình thức kế toán máy.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ➔ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.17: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy[2]

**CHƯƠNG 2****THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC****2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH thương mại VIC****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH thương mại VIC**

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty TNHH thương mại VIC.
- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: VIC Trading Company Limited
- Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng.
- Số tài khoản: 3408659 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Hải Phòng.
- Số tài khoản: 2100311000443 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Agribank – Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200358184
- Người đại diện pháp lý: Nguyễn Hữu Lợi
- Loại hình doanh nghiệp: TNHH thương mại
- Lĩnh vực kinh doanh: thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm
- Ngành nghề kinh doanh: thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Được chính thức thành lập 27/4/1999.

Những ngày đầu thành lập công ty gặp nhiều khó khăn: Nhà xưởng phải đi thuê, nhân công chỉ đếm trên đầu ngón tay và số vốn kinh doanh chỉ vài chục triệu đồng. Một thương hiệu Việt Nam rất sớm được hình thành và chấp nhận sự cạnh tranh không cân sức trên thị trường. Trong một bối cảnh mà các công ty nước ngoài chiếm tới 90% thị phần và tập quán chăn nuôi chỉ quen với những thương hiệu như Con cò, Higro ...

Song với chiến lược sản xuất kinh doanh nhạy bén và đúng đắn, sự nỗ lực của Ban lãnh đạo công ty cùng với cán bộ công nhân viên, công ty đã có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng. Đặc biệt năm 2002 – đánh dấu một sự kiện đặc biệt khi công ty khánh thành nhà máy **Con heo vàng** tại Hải Phòng và chính thức đi vào hoạt động, cũng kể từ đây thương hiệu **Con heo vàng** bắt đầu ghi dấu ấn vững mạnh trên thị trường thức ăn gia súc bằng việc quan tâm đầu tư phát triển thương hiệu.

Với tốc độ tăng trưởng nhiều năm liên tục ở mức khá cao từ 150 – 200% đã tạo đà cho công ty có bước phát triển đột phá.

Tiếp theo nhà máy Hải Phòng, công ty đang tiếp tục xây dựng các nhà máy tại Nghệ An, Quy Nhơn, Đồng Tháp, hai chi nhánh tại Hà Nội, Nam Định và tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng như: sản phẩm cho gia súc, gia cầm, đại gia súc công ty còn sản xuất các sản phẩm cho cá tiến tới mở rộng ngành nghề kinh doanh các sản phẩm thịt sạch phục vụ người tiêu dùng.

Lúc đầu thành lập, công ty chỉ có một thương hiệu **Con heo vàng** thì nay công ty đã có thương hiệu Ông Tiên, Thạch Sanh Thần, Cá Vàng, Heo vàng, Vàng 10. Thương hiệu **Con heo vàng** đã đăng ký thương hiệu tại Lào, Campuchia, Trung Quốc và đã tiến hành xác lập nhà phân phối sản phẩm tại Lào.

Mạng lưới phân phối của công ty cũng được mở rộng, từ chỗ chỉ có vài chục đại lý bán lẻ thì hiện nay đã có gần 4000 đại lý bán lẻ và 40 nhà phân phối trên toàn quốc. Thương hiệu **Con heo vàng** đã được người chăn nuôi tin dùng và đánh giá cao

Từ chỗ chỉ có vài chục công nhân đến nay công ty đã có gần 800 cán bộ công nhân viên với thu nhập bình quân đạt gần 2 triệu/ người/ tháng.

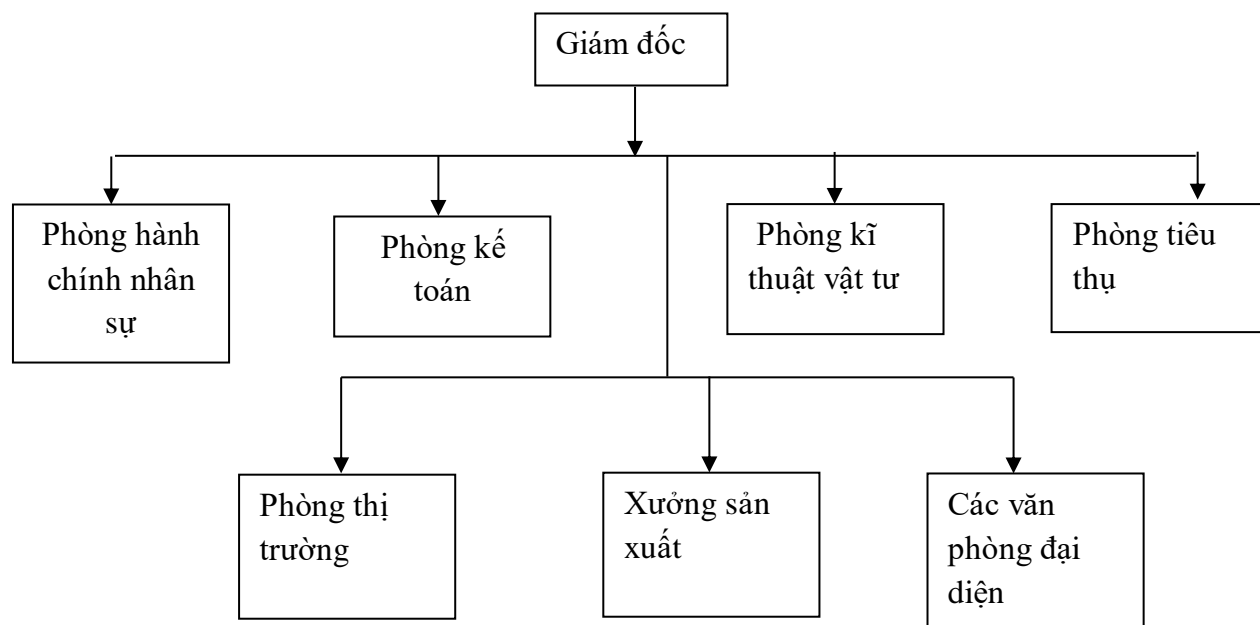
### ***2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại VIC:***

- Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH thương mại VIC theo lĩnh vực hoạt động.

- Đối tượng hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại VIC được hạch toán chung cho mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị.

- Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại VIC theo năm.



**2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH thương mại VIC.**

Sơ đồ 2.1: bộ máy quản lý của công ty

**-Giám đốc công ty:** là người đứng đầu công ty, đại diện công ty trước pháp luật, trực tiếp điều hành, đưa các chiến lược phát triển cho công ty, chịu trách nhiệm về toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Là người trực tiếp tham gia ký kết các hợp đồng kinh tế, lựa chọn và đề ra các quyết định phương án kinh doanh, làm tròn nghĩa vụ với nhà nước.

**-Phòng hành chính nhân sự:** Phòng có trách nhiệm tuyển dụng và đào tạo lao động, lương thưởng cho cán bộ công nhân viên. Thực hiện các công tác hành chính văn phòng như tiếp khách, photo, lưu trữ, đảm bảo, văn hóa công ty( trang phục, nề nếp làm việc) và các công tác hành chính khác.

**-Phòng tài chính kế toán:** Có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và xử lý các số liệu thông tin về công tác tài chính kế toán, tham mưu cho giám đốc về hiệu quả của dòng vốn kinh doanh cũng như trong việc lựa chọn và quyết định các phương án kinh doanh...

**-Phòng kỹ thuật vật tư:** Đảm nhận công tác xuất nhập khẩu của công ty giao nhận vật tư, công tác giám sát kiểm tra chất lượng sản phẩm, giải quyết và thực hiện các quy trình phản hồi của công ty khi có khiếu nại của người chăn nuôi thực hiện các quy trình khảo nghiệm.

**-Phòng tiêu thụ:** Phòng có chức năng tổ chức và giám sát tiêu thụ sản phẩm bao gồm hệ thống bán lẻ tới các hộ gia đình, giám sát và đôn đốc việc tiêu thụ của các đại lý cấp I.

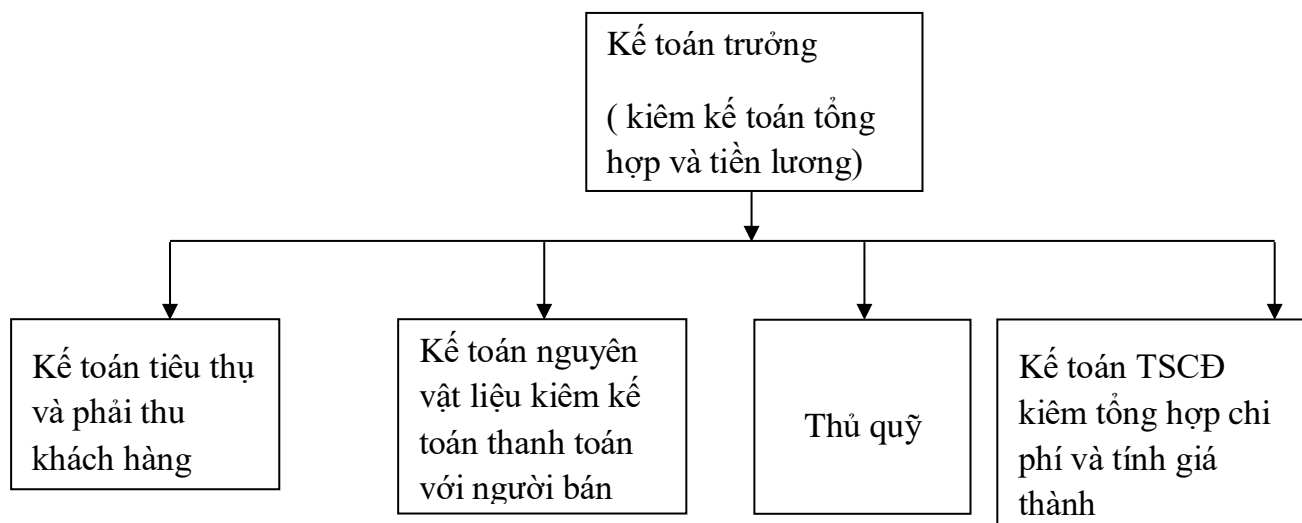
**-Phòng thị trường:** Tiến hành nghiên cứu đánh giá mở rộng thị trường. Xây dựng các kế hoạch thị phần, thị trường, mở rộng công tác tiêu thụ. **-Phân xưởng sản xuất:** Nơi trực tiếp tổ chức sản xuất ra các sản phẩm theo kế hoạch đề ra. Người chịu trách nhiệm quản lý và điều hành tại phân xưởng là quản đốc phân xưởng, dưới là các phó quản đốc, tổ KCS, tổ trưởng các máy và công nhân.

#### 2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH thương mại VIC

Bộ máy kế toán của Công ty TNHH thương mại VIC được tổ chức theo hình thức tập trung gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán từ việc xử lý chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán.

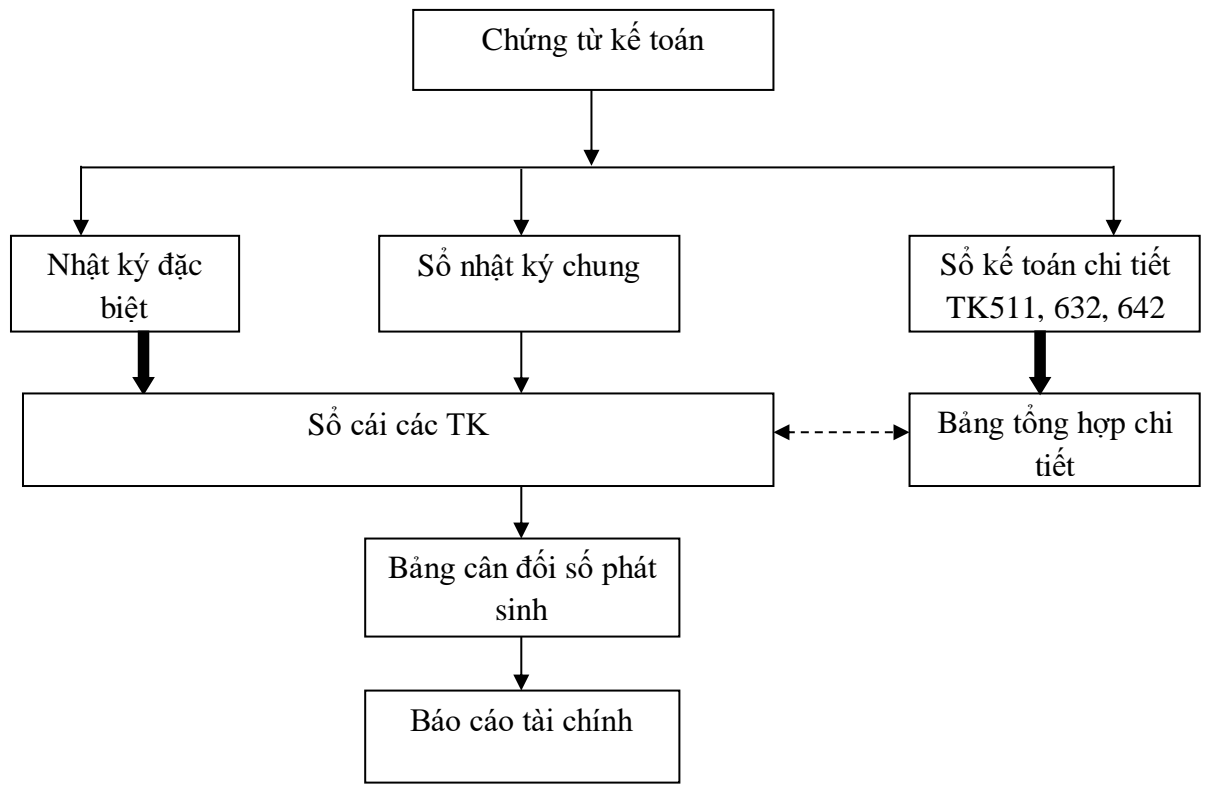
Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với mô hình kế toán tập chung đã giúp bộ máy kế toán của công ty được gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phù hợp với tình hình của công ty. Giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc quyết định.

Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức của bộ máy kế toán



Công ty TNHH thương mại VIC áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006.QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006

- Kỳ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm Dương lịch
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ áp dụng : Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp bình quân liên hoàn
- Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung



Ghi chú:   
 —————> Ghi hàng ngày   
 —————> Ghi cuối tháng, hoặc định   
 <-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH thương mại VIC

## **2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH thương mại VIC**

### ***2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH thương mại VIC***

#### *2.2.1.1. Nội dung kế toán doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH thương mại VIC.*

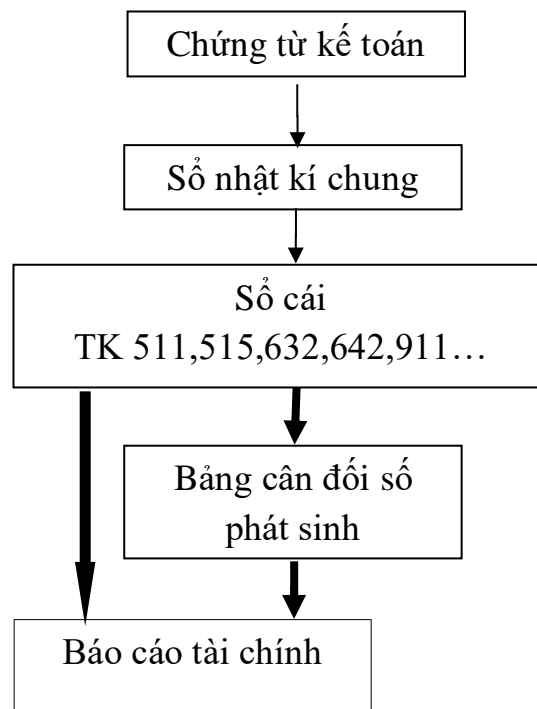
a) Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu tiền
- Giấy báo có

b) Tài khoản sử dụng

- TK511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

c) Phương pháp hạch toán



*Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty TNHH thương mại VIC*

**Ghi chú** Ghi chú hàng ngày →  
 Ghi chú định kỳ →

**Ví dụ 1:** Ngày 03/03/2016 Bán hàng cho Vũ Mạnh Hợp, khách hàng chưa thanh toán theo HĐ số 0000230 số tiền 11.550.000 đồng.

**Biểu số 2.1: Hoá đơn GTGT số 0000230/31**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		<b>Mẫu số: 01 GTKT3/001</b>			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: HQ/16P			
<b>Liên 3: Nội bộ</b>		Số: 0000230			
<b>Ngày 03 tháng 03 năm 2016</b>					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại VIC					
Mã số thuế: 02 00358184			Điện thoại: 0313 742999		
Địa chỉ: Cụm CN Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng					
Số tài khoản: 2100311000443 -Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn-Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: ..... Vũ Mạnh Hợp.....					
Tên đơn vị: .....					
Mã số thuế:.....Điện thoại:.....					
Địa chỉ: .....Cốc Liên, Minh Tân, Kiến Thụy, Hải Phòng .....					
Hình thức thanh toán: .....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Thức ăn chăn nuôi (TAGS-HH GM03)	Bao	50	210.000	10.500.000
Cộng tiền hàng:					10.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.050.000
Tổng cộng tiền thanh toán					11.550.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn .....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

**Ví dụ 2:** Ngày 15/03 Bán hàng cho Trần Văn Tuấn theo hóa đơn GTGT (biểu 2.2) số tiền 19.450.000 (chưa thuế VAT 10%) chưa thu tiền, khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản giấy báo có (biểu 2.3)

**Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000291/31**

<b>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>				<b>Mẫu số: 01 GTKT3/001</b>	
<b>Liên 3 : Nội bộ</b>				<b>Ký hiệu: HQ/16P</b>	
<b>Ngày 15 tháng 03 năm 2016</b>				<b>Số: 0000291</b>	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại VIC					
Mã số thuế: 02 00358184			Điện thoại: 0313 742999		
Địa chỉ: Cụm CN Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng					
Số tài khoản: 2100311000443 -Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn-Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: .....Trần Văn Tuấn.....					
Tên đơn vị:					
Mã số thuế:.					
Địa chỉ: An Tiến, An Lão, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: .....CK.....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Thức ăn chăn nuôi (TAGS-DD SH9B)	Bao	50	389.000	19.450.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>19.450.000</b>
<b>Thuế suất GTGT: 10%</b>				<b>Tiền thuế GTGT:</b>	<b>1.945.000</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>21.395.000</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi một triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn.</b>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<small>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</small>					

**Biểu số 2.3 :Giấy báo có[3]**

**Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng**

**GIẤY BÁO CÓ***Credit slip*

Số No: 00112

Ngày Date: 15/03/2016

**ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG** BENEFICIARY**Số tài khoản** A/c number: : 2100311000443**Tên Tài khoản** A/c name: Công ty TNHH thương mại VIC**ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN** PAYMENT**Số tài khoản** A/c number: 8012212435707**Tên Tài khoản** A/c name: Trần Văn Tuấn

Số tiền bằng số Amount  
in figures

**21.395.000 VNĐ**

**Số tiền bằng chữ** Amount in words: Hai mươi một triệu ba trăm chín mươi năm nghìn đồng chẵn.

**Nội dung** Remarks: Tran Van Tuan thanh toan tien hang.

**Giao dịch viên**

Teller

**Kiểm soát viên**

Supervisor



**Ví dụ 3:** Ngày 21/03/2016, bán cho Nguyễn Văn Vương thức ăn chăn nuôi (TAGS-HH SV7A) đơn giá 216.000 đồng/bao hóa đơn GTGT số 0000350 (biểu 2.4) (chưa thuế GTGT 10%) thu bằng tiền mặt theo phiếu thu 041 (biểu 2.5)

**Biểu số 2.4. Hóa đơn GTGT số 0000350/3]**

<b>HOÁ ĐƠN</b>					
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>				<b>Mẫu số: 01 GTKT3/001</b>	
<b>Liên 3: nội bộ</b>				<b>Ký hiệu: HQ/16P</b>	
<b>Ngày 21 tháng 03 năm 2016</b>				<b>Số: 0000350</b>	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại VIC					
Mã số thuế: 02 00358184			Điện thoại: 0313 742999		
Địa chỉ: Cụm CN Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng					
Số tài khoản: 2100311000443 -Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn – Hải Phòng					
Đơn vị mua hàng: Nguyễn Văn Vương					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: Đại Trà – Đông Phương – Kiến Thụy – Hải Phòng					
Điện thoại:					
Số tài khoản: .....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Thức ăn chăn nuôi (TAGS-HH SV7A)	Bao	12	216.000	2.592.000
<b>Cộng tiền hàn :</b>					<b>2.592.000</b>
<b>Thuế suất GTGT: 10%</b>			<b>Tiền thuế GTGT:</b>		<b>259.200</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>2.851.200</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu tám trăm năm mươi một nghìn hai trăm đồng chẵn.....</b>					
Người mua hàng <b>Phùng Tú Trà</b>		Người bán hàng <b>Nguyễn Thị Vân</b>		Thủ trưởng đơn vị <b>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</b>	
<small>(Cần kiểm tra , đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</small>					

**Biểu số 2.5: Phiếu thu[3]**

<b>Đơn vị:</b> Công ty TNHH TM VIC		<b>Mẫu số: 01 – TT</b>		
<b>Địa chỉ:</b> Khu CN Vĩnh Niệm – Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng		(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
		Quyển số: .....		
		Số: ...041/3.....		
<b>PHIẾU THU</b>		Nợ 111: 2.851.200		
<i>Ngày 21 tháng 03 năm 2016.</i>		Có 511: 2.592.000		
		Có 3331: 259.200		
Họ và tên người nộp tiền: .Nguyễn Văn Vương.....				
Địa chỉ: Đại Trà – Đông Phương – Kiến Thụy – Hải Phòng				
Lý do nộp: ...Thu tiền bán hàng.....				
Số tiền: .....2.851.200.....				
(Viết bằng chữ): .....Hai triệu tám trăm năm mươi một nghìn hai trăm đồng chẵn.....				
Kèm theo: .....01 chứng từ gốc				
<i>Ngày 21 tháng 03 năm 2016</i>				
<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba triệu ba trăm ngàn đồng chẵn...				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....				
+ Số tiền quy đổi:				

*Nguồn: Phòng Kế Toán Công ty TNHH thương mại VIC*

**Biểu số 2.6: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016[3]**

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại VIC

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm-Vĩnh Niệm-Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ

48/2006QĐ-BTC ngày

14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			<b>Phát sinh trong năm</b>			
	.....	.....	..... ...	.....	.....	.....
<b>03/03</b>	<b>HĐ0000230</b>	<b>03/03</b>	<b>Bán hàng cho Vũ Mạnh Hợp</b>	<b>131</b>	<b>11.550.000</b>	
				<b>511</b>		<b>10.500.000</b>
				<b>3331</b>		<b>1.050.000</b>
	....	.....	.....	....	.....	.....
<b>15/03</b>	<b>HĐ0000291 GBC00112</b>	<b>15/03</b>	<b>Bán hàng cho Trần Văn Tuấn</b>	<b>112</b>	<b>21.395.000</b>	
				<b>511</b>		<b>19.450.000</b>
				<b>3331</b>		<b>1.945.000</b>
	....	.....	.....	....	.....	.....
<b>21/03</b>	<b>HĐ0000350 PT041</b>	<b>21/03</b>	<b>Bán hàng cho Nguyễn Văn Vương</b>	<b>111</b>	<b>2.851.200</b>	
				<b>511</b>		<b>2.592.000</b>
				<b>3331</b>		<b>259.200</b>
	....	.....	.....	....	.....	.....
	.....	.....	..... ...	....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>8.229.010.420.569</b>	<b>8.229.010.420.569</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.6) kế toán ghi vào sổ cái TK511 (biểu số 2.7) như sau|:

**Biểu số 2.7: Trích Sổ Cái TK 511[3]**

**Đơn vị:** Công ty TNHH thương mại VIC

**Mẫu số:** S03b – DNN

**Địa chỉ:** Khu CN Vĩnh Niệm-Vĩnh Niệm-Lê Chân-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm:2016

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính : Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
...	...	...	.....	....	.....	.....
<b>03/03</b>	<b>HĐ0000230</b>	<b>03/03</b>	<b>Bán hàng cho Vũ Mạnh Hợp</b>	<b>131</b>		<b>10.500.000</b>
...	...	...	.....	....	.....	.....
<b>15/03</b>	<b>HĐ0000291 GBC00112</b>	<b>15/03</b>	<b>Bán hàng cho Trần Văn Tuấn</b>	<b>112</b>		<b>19.450.000</b>
...	...	...	.....	....	.....	.....
<b>21/03</b>	<b>HĐ0000350 PT041/3</b>	<b>21/03</b>	<b>Bán hàng cho Nguyễn Văn Vương</b>	<b>111</b>		<b>2.592.000</b>
...	...	...	.....	....	.....	.....
			<b>Cộng SPS</b>		<b>42.052.339.588</b>	<b>42.052.339.588</b>
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

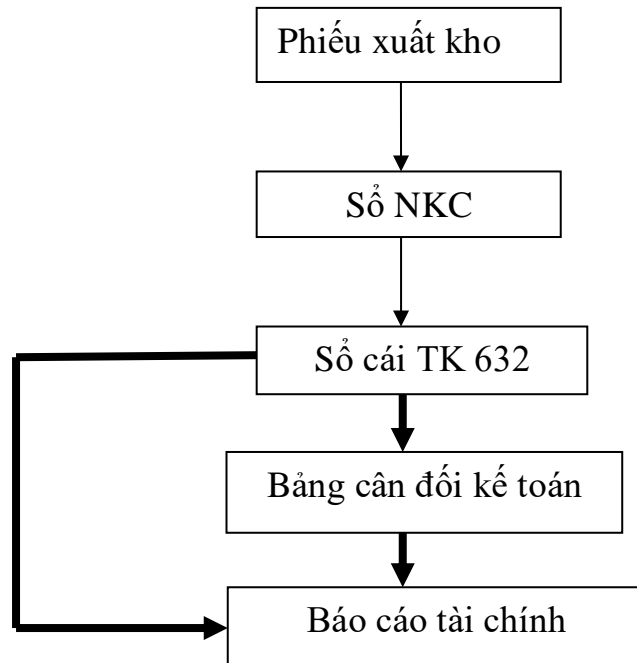
(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.1.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

- ❖ Chứng từ sử dụng
  - Phiếu xuất kho
  - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Sổ kết toán sử dụng
  - Sổ nhật ký chung
  - Sổ cái TK 632
- ❖ Trình tự hạch toán



Chú thích:

- Ghi hàng ngày —————▶
- Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ —————▶
- Đối chiếu ←-----▶

*\*Nghị quyết kinh tế phát sinh liên quan đến thức ăn chăn nuôi (TAGS-HH GM03), (TAGS-DD SH9B), (TAGS-HH SV7A) trong tháng 3*

-Ngày 01/03/2016: Trong kho của công ty còn tồn lại 20 bao thức ăn chăn nuôi loại (TAGS-HH GM03), 15 bao thức ăn chăn nuôi loại (TAGS-DD SH9B), 17 bao thức ăn chăn nuôi loại (TAGS-HH SV7A)

-Ngày 02/03/2016: Nhập 100 bao (TAGS-HH GM03) đơn giá 190.000 đồng

**-Tiếp tục ví dụ 1:** Ngày 03/03/2016 Bán hàng cho Vũ Mạnh Hợp, khách hàng chưa thanh toán theo HĐ số 0000033 số tiền 11.550.000 đồng.

- Căn cứ vào sổ chi tiết 155- thức ăn chăn nuôi loại (TAGS-HH GM03)
- Tồn đầu kì tháng 3/2016 của thức ăn chăn nuôi loại (TAGS-HH GM03): 20 bao
- Trị giá tồn đầu kì của loại (TAGS-HH GM03) ngày 01/03=  $20 \times 180.000 = 3.600.000$  đồng
- Trị giá nhập (TAGS-HH GM03) ngày 02/03 =  $100 \times 190.000 = 19.000.000$
- Đơn giá BQLH (TAGS-HH GM03) ngày 03/03 = 
$$\frac{3.600.000 + 19.000.000}{20 + 100} = 188.333$$
- Trị giá xuất (TAGS-HH GM03) ngày 03/03 =  $50 \times 188.333 = 9.416.650$

Sau đó kế toán ghi đơn giá vào phiếu xuất kho để tính thành tiền phục vụ công tác định khoản và ghi sổ theo bút toán

ĐK: - Nợ TK 632: 9.416.650

Có TK 155 : 9.416.650

**Biểu số 2.8: Phiếu Xuất kho[3]**

**Đơn vị:** Công ty TNHH thương  
mại VIC

**PHIẾU XUẤT KHO****Mẫu số 02-VT**

Ngày 03 tháng 03 năm 2016

( Ban hành theo QĐ  
48/2006QĐ- BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng  
BTC)

**Địa chỉ:** Khu CN Vĩnh Niệm, Lê  
Chân, Hải Phòng

P XK255

NợTK 632: 9.416.650

CóTK 155: 9.416.650

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Thị Hương

Địa chỉ : Phòng kinh doanh công ty TNHH thương mại VIC

Lý do xuất: Bán thức ăn chăn nuôi

Xuất tại kho: 1-1

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thức ăn chăn nuôi(TAGS-HH GM03)		bao	50	50	188.333	9.416.650
	<b>Cộng</b>						<b>9.416.650</b>

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Chín triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm năm  
mười đồng chẵn-**

-Số chứng từ gốc kèm theo...

Ngày 03 tháng 03 năm 2016

**Người lập phiếu****Người nhận hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(họ và tên)

(họ và tên)

(họ và tên)

(họ và tên)

(họ và tên)



-Ngày 06/03 nhập 200 bao thức ăn chăn nuôi loại (TAGS-DD SH9B) đơn giá 370.000 đồng.

**-Tiếp tục ví dụ 2:** Ngày 15/03 Bán hàng cho Trần Văn Tuấn theo hóa đơn GTGT (biểu 2.2) số tiền 19.450.000 (chưa thuế VAT 10%) chưa thu tiền, khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản giấy báo có.

- Căn cứ vào sổ chi tiết 155- thức ăn chăn nuôi loại (TAGS-DD SH9B)
- Tồn đầu kì tháng 3/2016 của thức ăn chăn nuôi loại (TAGS-DD SH9B) là : 15 bao
- Trị giá tồn đầu kì của thức ăn chăn nuôi loại (TAGS-DD SH9B) ngày 01/03= 15\*350.000= 5.250.000
- Trị giá nhập (TAGS-DD SH9B) ngày 06/03= 200\*370.000= 74.000.000
- Đơn giá BQLH (TAGS-DD SH9B) ngày 15/03 = 
$$\frac{5.250.00+74.000.000}{15+200} = 368.605$$
- Trị giá xuất (TAGS-DD SH9B) ngày 15/03= 50\*368.605= 18.430.250

Sau đó kê toán ghi đơn giá vào phiếu xuất kho để tính thành tiền phục vụ công tác định khoản và ghi sổ theo bút toán

ĐK: - Nợ TK 632: 18.430.250

Có TK 155 : 18.430.250

**Biểu số 2.9: Phiếu Xuất kho[3]**

**Đơn vị:** Công ty TNHH thương mại VIC  
**Địa chỉ:** Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU XUẤT KHO**  
 Ngày 15 tháng 03 năm 2016  
 P XK310

**Mẫu số 02-VT**  
 ( Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NợTK 632: 18.430.250  
 CóTK 155: 18.430.250

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Thị Hương

Địa chỉ : Phòng kinh doanh công ty TNHH thương mại VIC

Lý do xuất: Bán thức ăn chăn nuôi

Xuất tại kho: 1-1

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thức ăn chăn nuôi(TAGS-DD SH9B)		bao	50	50	368.605	18.430.250
	<b>Cộng</b>						<b>18.430.250</b>

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Mười tám triệu bốn trăm ba mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng chẵn.**

-Số chứng từ gốc kèm theo...

Ngày 15 tháng 03 năm 2016

**Người lập phiếu**      **Người nhận hàng**      **Thủ kho**      **Kế toán trưởng**      **Giám đốc**  
 (họ và tên)                      (họ và tên)                      (họ và tên)                      (họ và tên)                      (họ và tên)

-Ngày 07/03 nhập 150 bao thức ăn chăn nuôi loại (TAGS-HH SV7A) đơn giá 200.000 đồng.

**-Tiếp tục ví dụ 3:** Ngày 21/03/2016, bán cho Nguyễn Văn Vương thức ăn chăn nuôi (TAGS-HH SV7A) đơn giá 216.000 đồng/bao hóa đơn GTGT số 0000041 (chưa thuế GTGT 10%) thu bằng tiền mặt theo phiếu thu 041.

Căn cứ vào sổ chi tiết 155- thức ăn chăn nuôi loại (TAGS-HH SV7A)

Tồn đầu kì tháng 3/2016 của thức ăn chăn nuôi loại (TAGS-HH SV7A) là: 17 bao

Trị giá tồn đầu kì thức ăn chăn nuôi loại (TAGS-HH SV7A) ngày 01/03=

$17 * 190.000 = 3.230.000$  đồng

Trị giá nhập (TAGS-HH SV7A) ngày 07/03=  $150 * 200.000 = 30.000.000$  đồng

$$\bullet \text{ Đơn giá BQLH (TAGS-HH SV7A) ngày 15/03} = \frac{3.230.000 + 30.000.000}{17 + 150} = 198.982$$

Trị giá xuất (TAGS-HH SV7A) ngày 21/03=  $12 * 198.982 = 2.387.784$

Sau đó kế toán ghi đơn giá vào phiếu xuất kho để tính thành tiền phục vụ công tác định khoản và ghi sổ theo bút toán

ĐK: - Nợ TK 632: 2.387.784

Có TK 155 : 2.387.784

**Biểu số 2.10: Phiếu Xuất kho[3]**Đơn vị: Công ty TNHH thương  
mại VIC**PHIẾU XUẤT KHO**

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm,  
Lê Chân, Hải Phòng

Ngày 21 tháng 03 năm 2016

(Ban hành theo QĐ  
48/2006QĐ- BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng  
BTC)

P XK345

NợTK 632: 2.387.784

CóTK 155: 2.387.784

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Thị Hương

Địa chỉ : Phòng kinh doanh công ty TNHH thương mại VIC

Lý do xuất: Bán thức ăn chăn nuôi

Xuất tại kho: 1-1

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thức ăn chăn nuôi(TAGS-HH SV7A)		bao	12	12	198.982	2.387.784
	<b>Cộng</b>						<b>2.387.784</b>

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Hai triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi tư đồng chẵn.**

-Số chứng từ gốc kèm theo...

Ngày 21 tháng 03 năm 2016

**Người lập phiếu****Người nhận hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(họ và tên)

(họ và tên)

(họ và tên)

(họ và tên)

(họ và tên)

**Biểu số 2.11: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016[3]**

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại VIC

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm-Vĩnh Niệm-Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

( Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Phát sinh trong năm			
	.....	.....	.....	.....	.....	.....
03/03	PXK255	03/03	Xuất kho bán hàng cho Vũ Mạnh Hợp	632	9.416.650	
				155		9.416.650
	....	.....	.....	....	.....	.....
15/03	PXK310	15/03	Xuất kho bán hàng cho Trần Văn Tuấn	632	18.430.250	
				155		18.430.250
	....	.....	.....	....	.....	.....
21/03	PXK340	21/03	Xuất kho bán hàng cho Nguyễn Văn Vương	632	2.387.784	
				155		2.387.784
	....	.....	.....	....	.....	.....
	.....	.....	.....	....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>8.229.010.420.569</b>	<b>8.229.010.420.569</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.12 :Trích Sổ cái 632 năm 2016[3]****Đơn vị:**Công ty TNHH TM VIC**Mẫu số:** S03b – DNN**Địa chỉ:** Khu CN Vĩnh Niệm-Vĩnh Niệm-  
Lê Chân-Hải Phòng*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Năm:2016

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu:632

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
...	...	...	...		
<b>PXK255</b>	<b>03/03</b>	<b>Xuất kho bán hàng cho Vũ Mạnh Hợp</b>	<b>155</b>	<b>9.416.650</b>	
...	....	.....	.....		
<b>PXK310</b>	<b>15/03</b>	<b>Xuất kho bán hàng cho Trần Văn Tuấn</b>	<b>155</b>	<b>18.430.250</b>	
.....	.....	.....	....	....	.....
<b>PXK340</b>	<b>21/03</b>	<b>Xuất kho bán hàng cho Nguyễn Văn Vương</b>	<b>155</b>	<b>2.387.784</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		Cộng số phát sinh		<b>37.783.042.930</b>	<b>37.783.042.930</b>
		<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

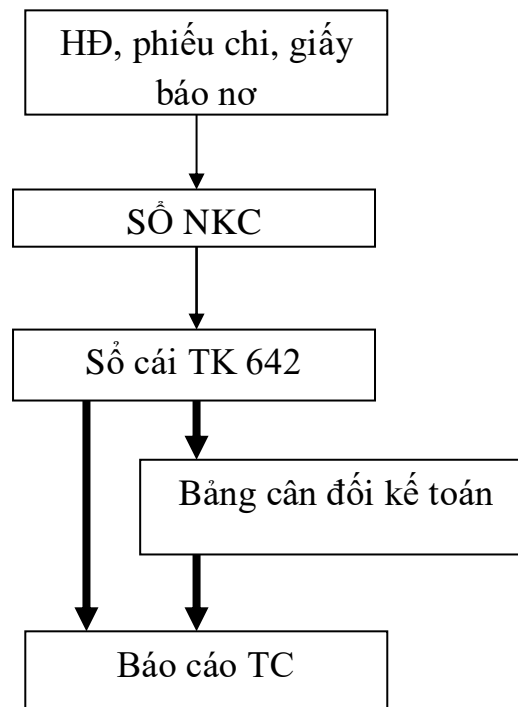
**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.1.3. Nội dung kế toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại VIC.

Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp

- ❖ Chứng từ kế toán sử dụng.
  - Phiếu chi.
  - Hóa đơn GTGT.
  - Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,...
- ❖ Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.
  - TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.
  - Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...
  - Sổ Nhật ký chung.
  - Sổ cái TK 642 và các sổ sách có liên quan.
- ❖ Trình tự hạch toán:



**Biểu số 2.13:HD 3005768/3]**

		<b>HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)</b>		Mẫu số:01GTKT2/001														
<b>3005768</b> No):HQ/15P		TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		<b>Ký hiệu</b> (Serial														
Liên 2:Giao cho người mua (Customer copy)			<b>Số</b> (No): 3005768															
Mã số thuế:		<table border="1" style="width:100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width:20px; text-align:center;">0</td> <td style="width:20px; text-align:center;">2</td> <td style="width:20px; text-align:center;">0</td> <td style="width:20px; text-align:center;">0</td> <td style="width:20px; text-align:center;">2</td> <td style="width:20px; text-align:center;">8</td> <td style="width:20px; text-align:center;">7</td> <td style="width:20px; text-align:center;">9</td> <td style="width:20px; text-align:center;">7</td> <td style="width:20px; text-align:center;">7</td> <td style="width:20px;"></td> <td style="width:20px;"></td> <td style="width:20px;"></td> </tr> </table>				0	2	0	0	2	8	7	9	7	7			
0	2	0	0	2	8	7	9	7	7									
Viễn thông Hải Phòng 0203653704																		
Địa chỉ:Nguyễn Tri Phương, Hồng Bàng, Hải Phòng																		
Tên khách hàng(Customer's name):Công ty TNHH thương mại VIC																		
Địa chỉ(Address):Khu CN Vĩnh Niệm, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng																		
Số điện thoại(Tel): 0313 742999 Mã số (code): QNG-03-036537(T5DHA3)																		
Hình thức thanh toán(Kind of Payment):TM		MST:		<table border="1" style="width:100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width:20px; text-align:center;">0</td> <td style="width:20px; text-align:center;">2</td> <td style="width:20px; text-align:center;">0</td> <td style="width:20px; text-align:center;">0</td> <td style="width:20px; text-align:center;">3</td> <td style="width:20px; text-align:center;">5</td> <td style="width:20px; text-align:center;">8</td> <td style="width:20px; text-align:center;">1</td> <td style="width:20px; text-align:center;">8</td> <td style="width:20px; text-align:center;">4</td> <td style="width:20px;"></td> <td style="width:20px;"></td> <td style="width:20px;"></td> </tr> </table>		0	2	0	0	3	5	8	1	8	4			
0	2	0	0	3	5	8	1	8	4									
STT(NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND													
1	2	3	4	5	6=4x5													
	Kỳ cước tháng:2/2016 a.Cước dịch vụ Viễn thông b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế c.Chiết khấu+Đa dịch vụ d.Khuyến mãi e.Trừ đặt cọc+trích thưởng+nợ cũ				<b>2.456.987</b> <b>0</b>													
(a+b+c+d)		Cộng tiền dịch vụ (Total)(1):			<b>2.456.987</b>													
Thuế suất GTGT (VAT rate):10%x(1)=		Tiền thuế GTGT			<b>245.698</b>													
(1+2+e)		Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total)(1+2):			<b>2.702.685</b>													
Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai triệu bảy trăm linh hai nghìn sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng.																		
Ngày 05 tháng 03 năm 2016																		
Người nộp tiền ký(Signature of payer) staff)			Nhân viên giao dịch ký(Signature of dealing															



**Biểu số 2.14 : Phiếu chi số 045/3]**

Công ty TNHH thương mại VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm, Vĩnh Niệm, Lê Chân, HP

**Mẫu số 02 –TT**  
( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU CHI**

*Ngày 05 tháng 03 năm 2016*

Số: PC045

Nợ 642:2.456.987

Nợ 133: 245.698

Có 111:2.702.685

Người nhận tiền: Phạm Thị Hường

Địa chỉ: Công ty TNHH thương mại VIC

Lý do chi: trả tiền hóa đơn 3005768

Số tiền: **2.702.685**

(Viết bằng chữ: **Hai triệu bảy trăm linh hai nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng.**)

*Ngày 05 tháng 03 năm 2016*

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập  
phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

**Ví dụ 2:**

Ngày 29/03, công ty thanh toán chi phí tiếp khách cho công ty cổ phần du lịch khách sạn Hải Đăng.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000547( biểu số 2.17), phiếu chi số 060 ( biểu số 2.18) Kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.19)

***Định khoản***

Nợ TK 642: 15.721.000

Nợ TK 133: 1.572.100

Có TK 111: 17.293.100

**Biểu số 2.15: Hóa đơn GTGT số 0000547/3]**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			<b>Mẫu số: 01GTKT3/001</b>		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			<b>Ký hiệu: AA/16P</b>		
<b>Liên 2:Giao cho người mua</b>			<b>Số: 0000547</b>		
<b>Ngày 29 tháng 03 năm 2016</b>					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần du lịch khách sạn Hải Đăng					
Mã số thuế: 0200783809					
Địa chỉ: Trần Khánh Dư, phường Mái Tơ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng					
Điện thoại: 0313628999					
Số tài khoản: .....					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại VIC					
Số tài khoản:					
Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: .....TM.....; Mã số thuế:..0200358184.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Tiếp khách ăn uống				15.721.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>15.721.000</b>
<b>Thuế suất GTGT: 10%</b>		<b>Tiền thuế GTGT:</b>			<b>1.572.100</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>17.293.100</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu hai trăm chín mươi ba nghìn một trăm đồng.</b>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị <b>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</b>	
(Cần kiểm tra , đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

**Biểu số 2.16: Phiếu chi 060/3]**

Công ty TNHH thương mại VIC  
Khu CN Vĩnh Niệm, Vĩnh Niệm, Lê Chân, HP

**Mẫu số 02 –TT**  
( Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

**PHIẾU CHI**

*Ngày 29 tháng 03 năm 2016*

Số: PC060

Nợ 642:15.721.000

Nợ 133: 1.572.100

Có 111:17.293.100

Người nhận tiền: Phạm Thị Hương

Địa chỉ: Công ty TNHH thương mại VIC

Lý do chi: Thanh toán chi phí tiếp khách

Số tiền: **17.293.100**

(Viết bằng chữ: **Mười bảy triệu hai trăm chín mươi ba nghìn một trăm đồng.**)

*Ngày 29 tháng 03 năm 2016*

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập  
phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.17: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016[3]**

(Mẫu số S03a-DNN)

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại VIC

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC)  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>PC045</b>	<b>05/03</b>	<b>Thanh toán tiền điện thoại trả ngay bằng tiền mặt</b>	<b>642</b>	<b>2.456.987</b>	
			<b>133</b>	<b>245.698</b>	
			<b>111</b>		<b>2.702.685</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>HĐ000054 7-PC060</b>	<b>29/03</b>	<b>Thanh toán chi phí tiếp khách</b>	<b>642</b>	<b>15.721.000</b>	
			<b>133</b>	<b>1.572.100</b>	
			<b>111</b>		<b>17.293.100</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>8.229.010.420. 569</b>	<b>8.229.010.420. 569</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.19) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK642 (biểu 2.20) như sau:

**Biểu số 2.18: Trích Sổ cái 642 năm 2016[3]**

**Đơn vị:** Công ty TNHH thương mại VIC

**Mẫu số:** S03b – DNN

**Địa chỉ:** Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm: 2016

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U'	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
...	...	...	...		
<b>PC045</b>	<b>05/03</b>	<b>Thanh toán tiền điện thoại trả ngay bằng tiền mặt</b>	<b>111</b>	<b>2.702.685</b>	
...	...	...	...		
BTTL T3	28/03	Tính lương tháng 03 cho nhân viên	334	44.093.100	
...	...	...	...		
<b>PC060</b>	<b>29/03</b>	<b>Thanh toán chi phí tiếp khách</b>	<b>111</b>	<b>15.721.000</b>	
		.....			
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>980.755.607</b>	<b>980.775.607</b>
		<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

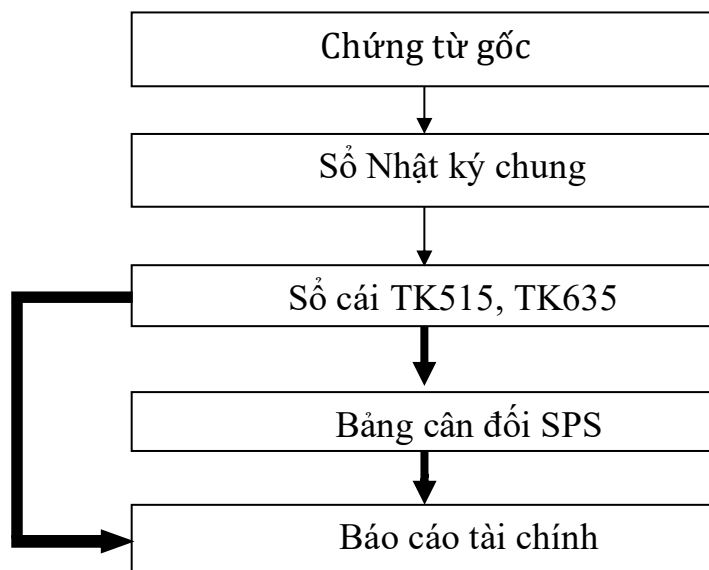
**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH thương mại VIC

Hoạt động của công ty chủ yếu chú trọng vào dịch vụ vận tải nên Công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh. Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do tiền lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi hàng tháng cho khoản vay dài hạn và phí tiền gửi

- ❖ Chứng từ sử dụng
  - Giấy báo có
  - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Sổ kế toán sử dụng
  - Sổ cái TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.
  - Sổ cái TK 635 – Chi phí tài chính
- ❖ Quy trình hạch toán



Ghi chú: Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$   
Ghi cuối năm:  $\longrightarrow$

**Ví dụ minh họa:** Lãi tiền gửi tháng 03 năm 2016

Căn cứ GBC(biểu số 2.21) Kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22)

**ĐK:** Nợ TK 112: 47.420

Có TK 515 : 47.420

**Biểu số 2.19 :Giấy báo có[3]**

**Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn**



**GIẤY BÁO CÓ**

*Credit slip*

Số No:

Ngày Date: 31/03/2016

**ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG BENEFICIARY**

**Số tài khoản**A/c number: : 2100311000443

**Tên Tài khoản**A/c name: Công ty TNHH thương mại VIC

**ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN PAYMENT**

**Số tài khoản**A/c number:

**Tên Tài khoản**A/c name:

**Số tiền bằng chữ**Amount in words:**Ba trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng.**

**Nội dung**Remarks:Lãi tiền gửi tài khoản nhập gốc

Số tiền bằng số Amount  
in figures

**342.740 VNĐ**

**Giao dịch viên**

Teller

**Kiểm soát viên**

Supervisor



**Biểu số 2.20: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016[3]****Đơn vị:** Công ty TNHH thương mại VIC**( Mẫu số S03a-DNN****Địa chỉ:** Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>GBC</b>	<b>28/02</b>	<b>Lãi tiền gửi tháng 02</b>	<b>112</b>	<b>172.769</b>	
			<b>515</b>		<b>172.769</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>GBC</b>	<b>31/03</b>	<b>Lãi tiền gửi tháng 03</b>	<b>112</b>	<b>342.740</b>	
			<b>515</b>		<b>342.740</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>8.229.010.420 .569</b>	<b>8.229.010.420 .569</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.22) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK515 (biểu 2.23) như sau:

**Biểu số 2.21 :Trích Sổ cái 515 năm 2016[3]**

**Đơn vị:**Công ty TNHH thương mại VIC

**Mẫu số:** S03b – DNN

**Địa chỉ:** Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm:2016

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu:515

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
...	...	...	...		
GBC	28/02	Lãi tiền gửi tháng 02	112		172.769
...	...	...	...		
<b>GBC</b>	<b>31/03</b>	<b>Lãi tiền gửi tháng 03</b>	<b>112</b>		<b>342.740</b>
		.....			
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>2.094.072</b>	<b>2.094.072</b>
		<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

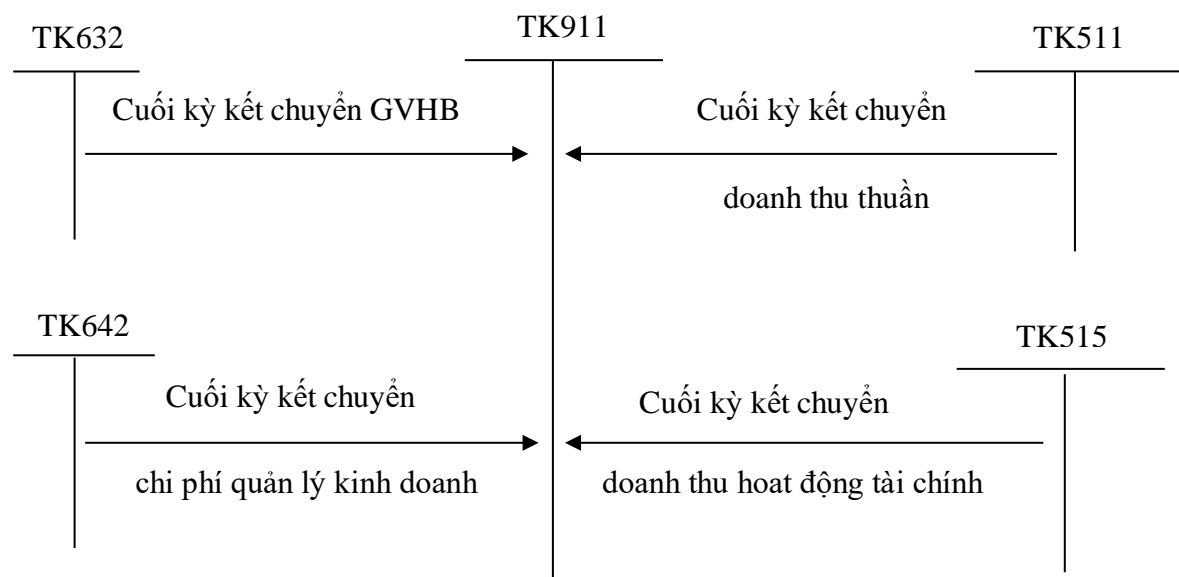
**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.3 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thương mại VIC

- ❖ Chứng từ sử dụng:
  - Phiếu kế toán
- ❖ Sổ kế toán sử dụng
  - Sổ cái TK 911
  - Sổ cái TK 821
  - Sổ cái TK 421
- ❖ Trình tự hạch toán:



Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán

**Biểu số 2.22: Phiếu kế toán[3]**

Công ty TNHH Thương mại VIC

Khu CN Vĩnh Niệm-Vĩnh Niệm-Lê Chân-Hải Phòng

Mã số thuế : 0200358184

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 020

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	42.052.339.588
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	2.094.072
	Cộng			42.054.433.660

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.23: Phiếu kế toán[3]**

Công ty TNHH Thương mại VIC

Khu CN Vĩnh Niệm-Vĩnh Niệm-Lê Chân-Hải Phòng

Mã số thuế : 0200358184

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 021

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn	911	632	37.783.042.930
2	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	980.755.607
	Cộng			38.763.798.547

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.24: Phiếu kế toán[3]**

Công ty TNHH Thương mại VIC

Khu CN Vĩnh Niệm-Vĩnh Niệm-Lê Chân-Hải Phòng

Mã số thuế : 0200358184

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 022

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Chi phí thuế TNDN	821	3334	658.127.023
	Cộng			658.127.023

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.25: Phiếu kế toán[3]**

Công ty TNHH Thương mại VIC

Khu CN Vĩnh Niệm-Vĩnh Niệm-Lê Chân-Hải Phòng

Mã số thuế : 0200358184

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 023

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	658.127.023
	Cộng			658.127.023

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.26: Phiếu kế toán[3]**

Công ty TNHH Thương mại VIC

Khu CN Vĩnh Niệm-Vĩnh Niệm-Lê Chân-Hải Phòng

Mã số thuế : 0200358184

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 024

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lãi	911	421	2.632.508.090
	Cộng			2.632.508.090

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.27: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016[3]**

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại VIC

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm-Vĩnh Niệm-Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 20	31/12	Kết chuyển DTBH	511	42.052.339.588	
				911		42.052.339.588
31/12	PKT 20	31/12	Kết chuyển DT HĐTC	515	2.094.072	
				911		2.094.072
31/12	PKT 21	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	37.783.042.930	
				632		37.783.042.930
31/12	PKT 21	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911	980.755.607	
				642		980.755.607
31/12	PKT22	31/12	CP thuế TNDN	821	658.127.023	
				3334		658.127.023
31/12	PKT 23	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	658.127.023	
				821		658.127.023
31/12	PKT 24	31/12	Kết chuyển lãi	911	2.632.508.090	
				421		2.632.508.090
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>8.229.010.420.569</b>	<b>8.229.010.420.569</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.28: Trích Sổ cái 911 năm 2016[3]**

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại VIC

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm-Vĩnh Niệm-Lê  
Chân- Hải Phòng(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Năm: 2016

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
...	...	...	...	...	.....	.....
31/12	PKT20	31/12	<b>Kết chuyển doanh thu bán hàng</b>	<b>511</b>		<b>42.052.339.588</b>
31/12	PKT20	31/12	<b>Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>515</b>		<b>2.094.072</b>
31/12	PKT21	31/12	<b>Kết chuyển giá vốn hàng bán</b>	<b>632</b>	<b>37.783.042.930</b>	
31/12	PKT21	31/12	<b>Kết chuyển CPQLKD</b>	<b>642</b>	<b>980.755.607</b>	
31/12	PKT23	31/12	<b>Kết chuyển thuế TNDN</b>	<b>821</b>	<b>658.127.023</b>	
31/12	PKT24	31/12	<b>Kết chuyển lãi</b>	<b>421</b>	<b>2.632.508.090</b>	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>501.116.000.127</b>	<b>501.116.000.127</b>
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu số 2.29: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh[3]**

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại VIC

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm-Vĩnh Niệm-Lê Chân- HP

Mã số thuế: 0200358184

Mẫu số : B02-DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng VN

CHỈ TIÊU	MÃ	Thu yết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		42.052.339.588	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>		<b>42.052.339.588</b>	
4. Giá vốn hàng bán	11		37.783.042.930	
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>		<b>4.269.296.658</b>	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.094.072	
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		980.755.607	
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 – 22 – 24}</b>	<b>30</b>		<b>(3.286.446.979)</b>	
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)</b>	<b>40</b>			
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>3.286.446.979</b>	
15. Chi phí thuế TNDN	51		658.127.023	
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)</b>	<b>60</b>		<b>2.632.508.090</b>	

Lập ngày 16 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu  
Phạm Thị HươngKế toán  
trưởngGiám đốc  
Nguyễn Hữu Lợi

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

### 3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH thương mại VIC.

#### 3.1.1. Ưu điểm

- *Về công tác quản lý:*
  - + Đội ngũ cán bộ công nhân năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.
  - +Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng , nhanh chóng.
- *Về công tác kế toán:*
  - +Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, mỗi kế toán được phân công, phụ trách một mảng riêng đảm bảo sự chuyên môn hóa nhưng vẫn phối hợp một cách chặt chẽ.
  - +Các kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu để đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của Công ty.
- *Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:*
  - +Công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.
  - +Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên. Nó giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn hàng hóa một cách dễ dàng.
- *Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:*
  - +Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

- +Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.
- +Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty. Giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

### **3.1.2.Hạn chế**

- Công ty vẫn chưa áp dụng chiết khấu thanh toán. Đây là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán trước thời hạn trong hợp đồng. áp dụng mức chiết khấu thanh toán sẽ kích thích khách hàng thanh toán trước hạn, làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

- Công ty chưa áp dụng kế toán mới.

- Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: Ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại Công ty TNHH thương mại VIC mặc dù đã sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách, số liệu nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như Word, Excel mà không sử dụng phần mềm kế toán như MISA, Gama, Fast Accounting,...

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.**

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại VIC chưa thực sự hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy được hiệu quả.

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.**

Mục đích của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao,

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất..., phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác hạch toán.

### **3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại VIC.**

#### ***3.4.1. Kiến nghị 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán***

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều công ty buôn bán nội thất khác nhau mà giá cả lại chênh nhau không nhiều. Điều này cho thấy tính cạnh tranh trên thị trường là rất cao, buộc Doanh nghiệp phải có những chính sách bán hàng đúng đắn, thích hợp nhằm thu hút khách hàng cũng như nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường. Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại VIC em nhận thấy rằng công ty chưa có những chính sách bán hàng như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán vì vậy công ty nên đưa vào nhằm thu hút khách hàng.

#### ***Chiết khấu thương mại***

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

### ***Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại***

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211.

### ***Phương pháp hạch toán***

Tài khoản sử dụng: **TK 5211** - Chiết khấu thương mại

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 5211 – Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Để chào mừng năm mới Công ty TNHH thương mại VIC có chương trình khuyến mại trong quý 1 từ 1/1/2016 - 31/1/2016

Nội dung hưởng chiết khấu	Số % được hưởng
khách hàng $\geq$ 10sp	5%
khách hàng $\geq$ 20sp	10%

***Ví dụ 2:*** Ngày 15/03 Bán hàng cho Trần Văn Tuấn theo hóa đơn GTGT số tiền 19.450.000 (chưa thuế VAT 10%) chưa thu tiền, khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản giấy báo có

Khách hàng Trần Văn Tuấn mua 50 bao thức ăn chăn nuôi loại (TAGS-DD SH9B) vì vậy công ty TNHH thương mại VIC khi viết hóa đơn xuất bán ngày 15/03 sẽ trừ phần chiết khấu thương mại là 10%

Tổng số tiền chiết khấu là:  $50 \times 389.000 = 1.945.000$

**Biểu số 3.1: Hóa đơn GTGT số 0000291/3]**

<b>HOÁ ĐƠN</b>				<b>Mẫu số: 01 GTKT3/001</b>	
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>				<b>Ký hiệu: HQ/16P</b>	
<b>Liên 3 : Nội bộ</b>				<b>Số: 0000291</b>	
<b>Ngày 15 tháng 03 năm 2016</b>					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại VIC					
Mã số thuế: 02 00358184			Điện thoại: 0313 742999		
Địa chỉ: Cụm CN Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng					
Số tài khoản: 2100311000443 -Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn-Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: .....Trần Văn Tuấn.....					
Tên đơn vị:					
Mã số thuế:.					
Địa chỉ: An Tiến, An Lão, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: .....CK.....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Thức ăn chăn nuôi (TAGS-DD SH9B)	Bao	50	389.000	19.450.000
2	Chiết khấu thương mại được hưởng				1.945.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>17.505.000</b>
<b>Thuế suất GTGT: 10%</b>			<b>Tiền thuế GTGT:</b>		<b>1.750.500</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>19.255.500</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu hai trăm năm mươi năm nghìn năm trăm đồng chẵn</b>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

### 3.4.2 Kiến nghị 2: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán.

- *Lý do kiến nghị:* Công ty TNHH thương mại VIC vẫn đang sử dụng Word, Excel trong công tác kế toán nhưng nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất dẫn đến việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện phân hành kế toán của Công ty rất mất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công việc của phòng kế toán.

- *Mục tiêu của giải pháp:* Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, tạo điều kiện cho việc thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời.

- *Cách thức tiến hành giải pháp:* Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường. Việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán có những ưu điểm sau:

- **Ít tốn thời gian:** Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và thao tác in.

- **Chính xác:** Chương trình kế toán có độ chính xác khá cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót doanh nghiệp có thể gặp phải có thể do nhập sai số liệu hoặc thông tin sai từ đầu.

- **Dễ sử dụng:** Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng một cách dễ dàng.

- **Lập báo cáo:** Một trong những điều tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là khả năng tạo các bản báo cáo bất kỳ theo ý muốn của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Bạn có thể tạo ra báo cáo chỉ trong vòng vài giây, đây là một cải tiến rất lớn so với phương thức truyền thống với bảng biểu và những phép tính. Các báo cáo có thể xuất ra file excel hoặc word để sử dụng lập BCTC hàng năm. Đặc biệt các phần mềm kế toán cho phép lập các báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cáo hàng ngày, tuần hoặc tháng.

- **Công nợ:** Quản lý công nợ nếu thao tác thủ công và cảm tính, số liệu công nợ có thể bị nhầm lẫn, thậm chí dẫn đến hao hụt tài chính doanh nghiệp, lượng tiền chết tăng dần do nợ ứ đọng, doanh nghiệp loay hoay trong vấn đề thu hồi

vốn. Lúc này, phần mềm sẽ là bộ não tinh tảo nhất ghi lại công nợ, giúp kế toán có thể theo dõi được hạn mức công nợ trên từng khách hàng, hỗ trợ theo dõi, báo cáo công nợ trên từng khách hàng, tổng công nợ khách hàng, công nợ theo từng nhân viên. Người quản lý có thể dễ dàng kiểm tra lịch sử giao dịch, mức nợ, thời hạn nợ, ngày tháng ghi nợ, sản phẩm,... của từng khách hàng, quản lý có thể dễ dàng theo dõi công nợ của khách hàng này đến từ những đơn hàng nào, chi tiết ra sao. Ngoài ra, phần mềm còn hỗ trợ tải xuống báo cáo công nợ dạng excel khi người quản lý muốn in tài liệu hoặc nhập file dữ liệu vào phần mềm kế toán để quản lý. Hãy lập ra một danh sách tất cả các nhu cầu cần thiết của công ty và tìm kiếm phần mềm kế toán phù hợp và nó sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm rất nhiều thời gian.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: FAST, CYBER, ACOUTING, MISA, ASOFT, ADSOFT... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp để hỗ trợ cho công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng. Công ty cổ phần Trung Thủy là doanh nghiệp nhỏ nên có thể sử dụng các phần mềm kế toán như sau:

- Phần mềm kế toán Misa
- Phần mềm kế toán Fast Accounting

Phần mềm kế toán Misa: [http:// www.misa.com.vn/](http://www.misa.com.vn/)



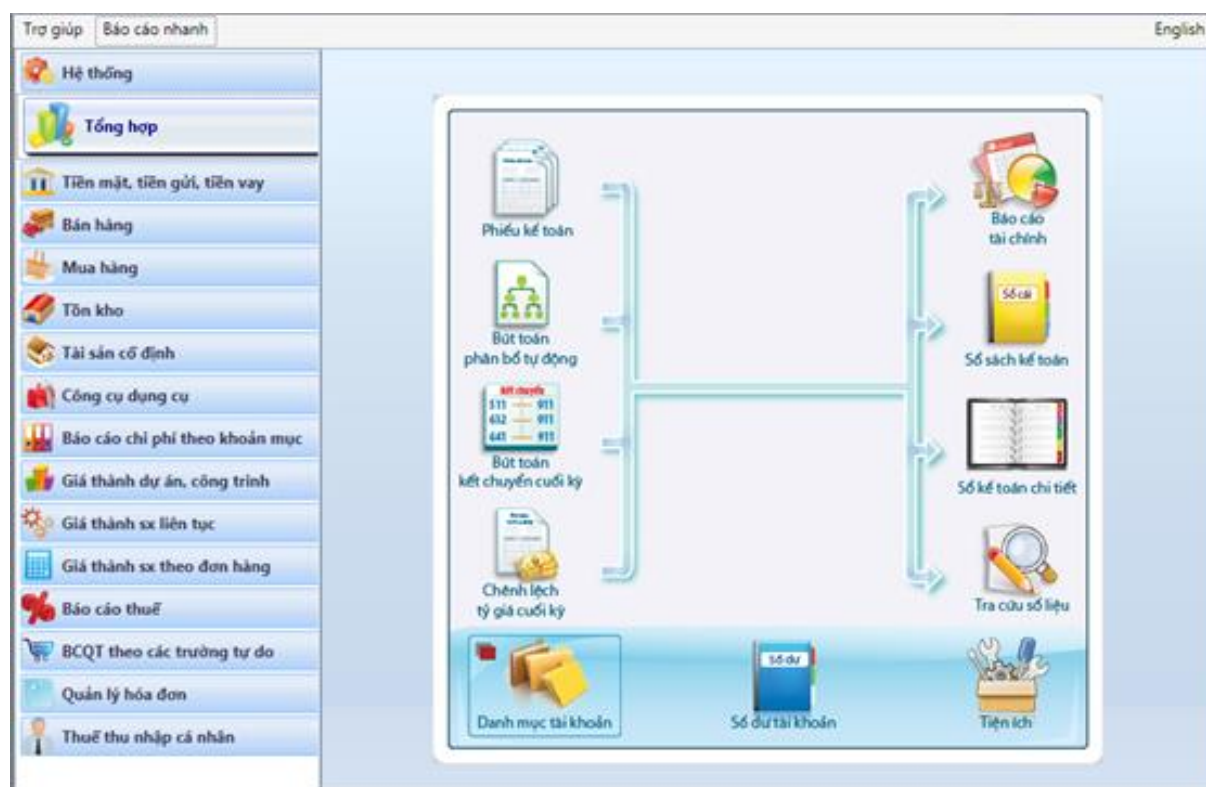


**Chức năng:**

MISA SNE.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, TSCĐ, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân hàng, Tổng hợp.

MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.

Phần mềm kế toán *Fast Accounting*: <http://www.fast.com.vn/>

**Chức năng:**

Fast Accounting có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Có thể hạch toán với mô hình phức tạp như nhiều đơn vị cấp dưới, nhiều bộ phận hạch toán, nhiều loại ngoại tệ. Luôn được cập nhật các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế, lên các báo cáo tài chính và sổ sách kế toán theo đúng quy định.

Fast Accounting tập trung vào nâng cao tốc độ xử lý khi thực hiện giao dịch, xử lý và tính toán cuối kỳ cũng như lên báo cáo giúp người sử dụng làm việc với tốc độ nhanh nhất.

Có nhiều tiện ích, tính năng thông minh giúp người sử dụng khai thác thông tin một cách hiệu quả phục vụ tốt công tác kế toán quản trị.

Hai phần mềm trên đều phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời là công cụ đắc lực trong công tác kế toán nói chung và công tác quản lý công nợ của doanh nghiệp nói riêng.

Để biết thêm thông tin về phần mềm, kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.

Để có thể thuận lợi cho việc cài đặt phần mềm kế toán doanh nghiệp nên trong bộ cho phòng kế toán đầy đủ máy tính có cấu hình phù hợp và có kết nối mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán viên tìm hiểu sử dụng phần mềm mà công ty sẽ sử dụng.

### **3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại VIC.**

#### **3.5.1. Về phía Nhà nước**

- Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp để khuyến khích doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng có tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ.

#### **3.5.2. Về phía doanh nghiệp**

+Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.

+Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.

+Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành và giữa các phần hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, hoàn chuyển chứng từ cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.

## KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Bài viết đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và công tác kế toán chung tại Công ty TNHH thương mại VIC như:

- Tiến hành mở thêm sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.
- Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán
- Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán,

Với sự cố gắng của bản thân cùng với sự giúp đỡ hướng dẫn tận tình của Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng và của ban lãnh đạo, các phòng ban trong Công ty TNHH thương mại VIC em đã hoàn thành đề tài này. Tuy vậy do hiểu biết về kế toán của em còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy em rất mong có sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy, cô giáo cùng cán bộ phòng kế toán của công ty TNHH thương mại VIC để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin trân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng và phòng kế toán tại Công ty TNHH thương mại VIC đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này !

Em xin trân thành cảm ơn !

*Hải phòng, ngày...tháng...năm 2018*

**Sinh viên thực tập**

Đỗ Trọng Nhân

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2012), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2012), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty TNHH thương mại VIC (2016), *Sổ sách kế toán Công ty*.